HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM

ỦY BAN MỤC VỤ DI DÂN



HƯỚNG DẪN MỤC VỤ DI DÂN

2017

HƯỚNG DẪN
MỤC VỤ DI DÂN

Imprimatur
Ngày 31 tháng 10 năm 2017

Tổng thư ký
Hội Đồng Giám Mục Việt Nam



MỤC LỤC

PHỤ LỤC

Chữ viết tắt

GL	: Giáo luật
GLHTCG	: Giáo Lý Hội Thánh Công giáo
TYGLHTCG	: Toát yếu Giáo Lý Hội Thánh Công giáo
HĐGM	: Hội Đồng Giám Mục
HĐGMVN	: Hội Đồng Giám Mục Việt Nam
HDMVDD	: Hướng dẫn Mục vụ Di dân
UBMVDD	: Ủy ban Mục vụ Di dân



I. DẪN NHẬP

1. Từ khi Việt Nam mở cửa hội nhập cộng đồng quốc tế và tiếp nhận đầu tư nước ngoài, môi trường kinh tế đã hình thành nhiều khu công nghiệp và phát sinh những làn sóng di dân kinh tế và thời vụ. Từ nông thôn ra thành thị, từ tỉnh này sang tỉnh khác, di dân sinh viên hay di dân công nhân, di dân từng cá thể hay cả gia đình, thời vụ hay dài hạn, trong nước cũng như ngoài nước, người Việt Nam cũng như người nước ngoài; thực trạng này tạo ra nhiều hoàn cảnh thách đố và thúc giục Hội Thánh địa phương phải tìm ra những cách thế mục vụ hữu hiệu nhằm giúp anh chị em di dân sống đức tin trong các môi trường mới.

2. Ý thức được hoàn cảnh đó, Đại hội Dân Chúa 2010 đã đề nghị Hội Đồng Giám Mục Việt Nam ban hành *Hướng dẫn Mục vụ Di dân* như một cuốn "Cẩm nang chung về mục vụ di dân, trong đó hướng dẫn rõ ràng những nét cơ bản cần thiết được các giáo phận nhìn nhận, cách riêng trong lãnh vực hôn nhân và dự tòng" (Thư chung Hậu Đại hội Dân Chúa 2010, số 45).

3. Vì thế, tài liệu *Hướng dẫn Mục vụ di dân* này được Ủy ban Mục vụ Di dân nghiên cứu và biên soạn nhằm mục đích giúp cho việc chăm sóc mục vụ di dân được các giáo phận tiếp nhận và tham gia. Đồng thời tạo mọi điều kiện để anh chị em di dân được lãnh nhận các bí tích, được chăm sóc đời sống thiêng liêng và ý thức bổn phận của mình trong môi trường mới, nhanh chóng hội nhập vào đời sống Hội Thánh địa phương. Tất cả sẽ cùng nhau xây dựng cộng đoàn chứng nhân Tin Mừng trong hiệp nhất và yêu thương.

II. KHÁI NIỆM TỪ NGỮ

4. *Đấng Bản Quyền:* Đức Giám Mục chính tòa.

5. *Di dân:* Người di dân mà chúng tôi muốn đề cập trong văn bản này, là người đã rời khỏi hay tạm rời khỏi nơi cư trú hoặc quê quán của mình để đến địa phương khác, vì lý do học tập, lao động hay những điều kiện sống khác.

6. *Mục tử:* Giám Mục, linh mục.

7. *Tín hữu:* Danh xưng gọi chung cho các Kitô hữu.

8. *Cư sở:* Khi một người đã chuyển cư đến một nơi và ở đó trên 05 năm tròn; hoặc đã có ý định sẽ ở đó vĩnh viễn trong địa giới của một giáo xứ hoặc trong lãnh thổ một giáo phận thì cư sở của người đó thuộc về giáo xứ và giáo phận này (x. GL. 102 §1).

9. *Bán cư sở:* Khi một người chuyển cư đến địa giới của một giáo xứ hoặc lãnh thổ của một giáo phận với ý định sẽ ở đó ít là 3 tháng hoặc đã ở đó trong 3 tháng (x. GL. 102 §2).

10. *Vô gia cư:* khi không có cư sở hay bán cư sở ở bất cứ nơi nào (x. GL. 100).

11. *Vị thành niên:* người dưới 18 tuổi (x. GL. 97).

12. *Ngoại kiều:* người thuộc quốc tịch nước ngoài đến sinh sống tại Việt Nam.

13. *Tòng nhân:* là khái niệm để chỉ tính chất thuộc về con người. Một luật là tòng nhân khi nó chi phối trên con người, bất kỳ họ ở đâu[1].

14. *Tòng thổ:* là khái niệm để chỉ tính chất tùy thuộc vào lãnh thổ. Một luật có tính tòng thổ khi nó chi phối những người đang cư ngụ trong một lãnh thổ[2].



[1] Xem *Từ Điển Công giáo*, HĐGMVN, UB Giáo lý đức tin, Ban từ vựng Công giáo, trang 906.

[2] Xem *Từ Điển Công giáo*, HĐGMVN, UB Giáo lý đức tin, Ban từ vựng Công giáo, trang 907.

III. NỀN TẢNG GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH VỀ MỤC VỤ DI DÂN

A. Quyền lợi và bổn phận của các tín hữu

Về giáo dục và loan truyền đức tin

15. Sau khi nhận lãnh bí tích Rửa Tội, các tín hữu có bổn phận trở thành chứng nhân Phúc Âm, đồng thời có quyền được hấp thụ nền giáo dục Kitô giáo để đạt tới sự trưởng thành nhân bản để nhận biết và sống mầu nhiệm cứu độ[3].

Vì được Thiên Chúa ủy nhiệm sứ vụ tông đồ qua phép Rửa Tội và phép Thêm Sức, các tín hữu có bổn phận làm cho sứ điệp cứu độ của Thiên Chúa được mọi người trên khắp thế giới nhận biết và đón nhận; bổn phận này càng thúc bách hơn trong những hoàn cảnh mà chỉ nhờ họ, người ta mới có thể hiểu biết Phúc Âm và nhận biết Đức Kitô.

Trong hoàn cảnh riêng của mỗi cá nhân, các tín hữu có bổn phận xây dựng đời sống thấm nhuần tinh thần Phúc Âm và làm chứng cho Đức Kitô một cách toàn diện[4].

---

[3] Xem Công đồng Vaticanô II, *Gravissimum Educationis 2* (*Tuyên ngôn về Giáo dục Kitô giáo*); GL. 217.

[4] Xem Công đồng Vaticanô II, *Lumen Gentium* 31, 33 *(Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội)*; *Apostolicam Actuositatem* 2- 4 (*Sắc lệnh Tông đồ giáo dân*); *Ad Gentes* 21, 36 *(Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền giáo)*; *GLHTCG* s. 1270; GL. 225 §1, §2.

Lãnh nhận và cử hành các Bí tích

16. Các tín hữu có quyền được lãnh nhận sự giúp đỡ thiêng liêng từ các vị mục tử, nhất là Lời Chúa và các Bí tích[5].

17. Do việc thông ban sự sống cho con cái, cha mẹ có bổn phận giáo dục con cái theo đạo lý của Hội Thánh[6]. Vì thế, cha mẹ có bổn phận chuẩn bị và lo cho con cái của mình được Rửa Tội trong vòng những tuần tuổi đầu tiên. Nếu nhi đồng đang lâm cơn nguy tử, thì phải được Rửa Tội ngay không chút trì hoãn (x. GL. 867 §1, §2).

18. Tất cả mọi người đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội và không bị luật cấm, phải được chuẩn bị đầy đủ để lãnh nhận bí tích Thánh Thể và bí tích Hòa Giải (x. GL. 912, 913). Bí tích Hoà Giải là dấu chỉ Chúa Giêsu đã lập để tha các tội ta đã phạm cùng giao hòa ta với Thiên Chúa và mọi người. Vì vậy, các tín hữu, sau khi đến tuổi khôn, buộc phải xưng các tội trọng của mình một cách trung thực, một năm ít là một lần; phải rước lễ mỗi năm ít là một lần trong mùa Phục Sinh (x. GL.920 §1, §2)

19. Các thiếu nhi đã đến tuổi khôn, sau khi đã lãnh nhận các bí tích Thánh Thể và Hòa Giải, cần được học giáo lý để có thể lãnh nhận bí tích Thêm Sức (x. GL. 97, 889 §2).

20. Trong trường hợp nguy tử vì bệnh tật hay tuổi già, các tín hữu được lãnh nhận bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân. Bí tích này có thể được ban lại, nếu sau khi hồi phục, bệnh nhân lại ngã bệnh

---

[5] Xem Công đồng Vaticanô II, *Lumen Gentium* 37 *(Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội)*; *Presbyterorum Ordinis* 9 (*Sắc Lệnh Chức vụ và đời sống linh mục)*; GL. 213.

[6] Xem Công đồng Vaticanô II, *Ad Gentes* 11 *(Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền giáo)*; GLHTCG s. 2221-2226; GL. 226 §1, §2.

nặng, hoặc nếu nguy cơ trở nên nghiêm trọng hơn trong cùng một cơn bệnh kéo dài (x. GL. 1004 §1, §2).

Tham gia và hội nhập vào cộng đoàn đức tin

21. Nhờ được tái sinh trong Đức Kitô, tất cả mọi tín hữu đều thật sự bình đẳng với nhau về phẩm giá và về hành động, nhờ đó họ cùng cộng tác vào việc xây dựng Thân Mình Đức Kitô, tùy theo hoàn cảnh và nhiệm vụ riêng của mình[7]. Nhờ được tham dự vào chức vụ của Chúa Kitô là tư tế, ngôn sứ và vương đế, các tín hữu có bổn phận góp phần tích cực vào đời sống và hoạt động của Giáo Hội và cộng tác với các chủ chăn; cần nuôi dưỡng ý thức về giáo phận và tham gia các hoạt động ở giáo xứ vì giáo xứ là một tế bào của giáo phận[8]. Nhất là đối với những tín hữu đang sống xa gia đình và giáo xứ, việc tham gia vào sinh hoạt giáo xứ tại nơi cư ngụ mới sẽ nâng đỡ đời sống đức tin một cách hữu hiệu.

22. Các tín hữu có nghĩa vụ phải luôn luôn duy trì sự hiệp thông với Giáo Hội trong cách sống và suy nghĩ; ân cần chu toàn các bổn phận đối với Giáo Hội toàn cầu cũng như đối với Giáo Hội địa phương mà họ trực thuộc chiếu theo những quy định của luật; đóng góp cho những nhu cầu của Giáo Hội trong

[7] Xem Công đồng Vaticanô II, *Gaudium et Spes* 32, 49, 61 (*Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay*); GL. 208.

[8] Xem Công đồng Vaticanô II, *Apostolicam Actuositatem* 10 (*Sắc lệnh Tông đồ giáo dân*).

việc thờ phượng, trong các hoạt động bác ái, và cộng tác vào việc chăm sóc đời sống các thừa tác viên cách xứng đáng[9].

B. Tình trạng chuyển cư của các tín hữu

23. Một người, nếu đã chuyển đến một giáo xứ hoặc giáo phận khác để làm việc, mua nhà, và nhập cư tại đây thì đương nhiên có cư sở thuộc về địa hạt giáo xứ định cư mới.

24. Nếu là sinh viên chuyển cư đến một nơi khác để học tập trong thời hạn 04 năm thì vẫn có cư sở thuộc giáo xứ gốc và bán cư sở thuộc về giáo xứ nơi đang trọ học. (HDMVDD, s. 8, 9)

25. Nếu một người đi làm việc ở nơi khác trong thời gian hơn 05 năm, vẫn còn nhà cửa và hộ khẩu thường trú ở quê quán, thì vẫn có quyền về cư sở tại giáo xứ gốc và bán cư sở thuộc giáo xứ đang tạm trú vì giáo luật không ngăn cản một người vừa có quyền cư sở ở quê quán và quyền bán cư sở một nơi đang tạm cư; nhưng nếu người ấy định cư ở một nơi khác với ý định vĩnh viễn thì sẽ nhận quyền cư sở nơi tái định cư (x. GL. 100, 102, 106).

26. Đối với người vị thành niên, phải theo cư sở hay bán cư sở của cha mẹ hay người giám hộ (GL. 105).

27. Qui định đặc quyền cho người *"đã cư ngụ một tháng"*: Phải là sự cư ngụ thể lý, liên tục trong vòng một tháng; nếu

---

[9] Xem Công đồng Vaticanô II, *Apostolicam Actuositatem* 8, 10, 21 (Sắc lệnh Tông đồ giáo dân); Ad Gentes 36 (*Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền giáo*); GL. 209 §1, §2, 222 §1, §2; *Gaudium et Spes* 11-13, 23, 30 (*Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay*), *Lumen Gentium (Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội).*

bị gián đoạn nhiều ngày, dù có ý định trở lại, vẫn phải tính thời gian lại từ đầu.

C. Bản Quyền địa phương

28. Do cư sở hoặc bán cư sở mà mỗi người có linh mục chính xứ và Bản Quyền riêng. Người vô gia cư sẽ thuộc về linh mục chính xứ và Bản Quyền tại nơi mà người ấy hiện đang cư ngụ. (x. GL. 107§1, §2, §3). Vì thế, một người trên 18 tuổi sau khi lãnh nhận bí tích Rửa Tội sẽ thuộc về giáo xứ nơi người ấy đang cư ngụ.

29. Do Giáo luật về cư sở và bán cư sở, dù chưa làm đơn nhập xứ, thì người di dân thuộc về giáo xứ nơi mình đang cư ngụ. Căn cứ chứng minh thuộc giáo xứ đối địa bằng cách: 1- văn bản dân sự như: hộ khẩu thường trú, giấy tạm trú; 2 - nhờ hàng xóm làm chứng việc cư ngụ của mình.

IV. HƯỚNG DẪN MỤC VỤ DI DÂN

A. Đời sống đức tin của tín hữu

Học giáo lý

30. Việc học hỏi và giáo dục đức tin không chỉ là quyền mà còn là bổn phận giúp tín hữu sống đức tin cách mạnh mẽ và sinh động, tham gia vào sứ mạng của Đức Kitô. Như một cách tiếp nối sứ mạng truyền giáo, các bậc cha mẹ cần phải cho con cái của họ được thụ hưởng nền giáo dục đức tin. Vì vậy, việc tham gia các chương trình học giáo lý không chỉ là điều kiện để được lãnh nhận các bí tích cách xứng hợp mà còn là bổn phận trau dồi kiến thức để hiểu biết, yêu mến và sống xứng đáng với ơn gọi Kitô hữu.

Theo quy định của từng giáo phận, thời gian học giáo lý dự tòng và thực tập sống đạo thông thường là 6 tháng.[10] HĐGMVN quy định thủ bản chính thức cho anh chị em di dân dự tòng là bản tóm lược Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo.

Việc lãnh nhận các Bí tích

Bí tích Rửa Tội

31. Linh mục chính xứ cần hướng dẫn cho cha mẹ và người đỡ đầu, không những về nghi lễ mà còn cả về ý nghĩa của bí tích cũng như bổn phận của cha mẹ trong việc nêu gương và giáo dục đức tin cho con trẻ.

Bí tích Thánh Thể

32. Bí tích Thánh Thể là nguồn mạch và chóp đỉnh của toàn thể đời sống Kitô giáo[11]. Vì thế các tín hữu phải yêu mến và siêng năng cử hành bí tích Thánh Thể bằng việc tham dự Thánh Lễ, rước Chúa và chầu Thánh Thể. Các tín hữu sau khi đã rước Chúa và xưng tội lần đầu buộc phải rước lễ mỗi năm ít là một lần trong mùa Phục Sinh (x. GL. 920 §1, §2). Tuy nhiên, những ai đang trong tình trạng bị vạ tuyệt thông và cấm chế, những người cố chấp tái phạm và mắc tội nặng thì chỉ được rước lễ sau khi đã lãnh bí tích Hòa Giải (GL. 916).

33. Cha mẹ, người giám hộ, và linh mục chính xứ có bổn phận giúp cho trẻ em, khi đã đến tuổi nhận biết, được học

[10] Tùy theo nhận định của linh mục chính xứ mà thời gian dự tòng có thể được đặc cách nhưng cần đảm bảo rằng mục đích của việc học giáo lý là để hiểu và thấm nhuần tinh thần Kitô giáo chứ không phải là một thủ tục hành chánh có thể tiến hành cách hời hợt.

[11] Xem Công đồng Vaticanô II, *Lumen Gentium* 11 *(Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội).*

giáo lý và rước Chúa; trong trường hợp nguy tử, các trẻ em đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội và đủ tuổi nhận biết có thể được rước Chúa dù chưa hoàn tất chương trình giáo lý phù hợp (x. GL. 913-914).
Các tín hữu chỉ được rước lễ tối đa hai lần một ngày, nhưng chỉ trong Thánh Lễ mà họ tham dự (x. GL. 917). Khi nguy tử, các tín hữu phải được rước lễ như của ăn đàng dù trước đó đã rước lễ khi tham dự Thánh Lễ (x. GL. 921§1-§2).

Bí tích Thêm Sức

34. Bí tích Thêm Sức in ấn tín trong linh hồn các tín hữu và phù trợ họ tiếp tục sống đức tin và đức ái dưới ân sủng của Chúa Thánh Thần, liên kết họ chặt chẽ hơn với Giáo Hội hiệp thông và tham gia sứ vụ loan báo Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô bằng lời nói và chứng tá đời sống (GL. 879).

Cha mẹ, người giám hộ, và linh mục chính xứ có bổn phận giúp cho các em đã đến tuổi khôn, 7 tuổi trọn, đã được xưng tội và rước Chúa, có thể lãnh nhận bí tích Thêm Sức sau thời gian học hỏi và chuẩn bị đầy đủ về giáo lý Thêm Sức (x. GL. 97; 889 §2).

Việc lãnh nhận bí tích trong trường hợp nguy tử

35. Đối với trẻ sơ sinh trong cơn nguy tử vì tai nạn hay đau bệnh, cha mẹ phải tìm cách cho con cái được lãnh nhận bí tích Rửa Tội ngay, không được trì hoãn[12]. Khi không thể đưa trẻ đến nhà thờ hoặc không kịp mời linh mục đến rửa tội trong

---

[12] Xem TYGLHTCG s. 248; GLHTCG s. 1250-1251; *Gaudium Et Spes* 48 (*Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay*), *Lumen Gentium 11, 41 (Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội)*; GL. 867.

trường hợp nguy tử, cha mẹ có thể rửa tội cho bệnh nhi bằng cách: Trong lúc đổ nước thì đọc công thức rửa tội: "Tôi (cha/mẹ) rửa con nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con, và Chúa Thánh Thần" [13]. Trong trường hợp này, nếu trẻ qua khỏi cơn nguy tử sau khi lãnh nhận bí tích Rửa Tội thì phải báo với linh mục chính xứ để ghi sổ Rửa Tội.

36. Giáo Hội phó thác những tín hữu bệnh tật hiểm nghèo cho Chúa chịu nạn và vinh quang để người nâng đỡ và cứu chữa họ bởi bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân (x. GL. 998). Khi một tín hữu đã biết sử dụng trí khôn ở trong tình trạng nguy tử, hoặc khi một tín hữu ở trong tình trạng hiểm nghèo vì đau bệnh hoặc tuổi già, thì người thân và các mục tử có bổn phận giúp bệnh nhân được lãnh nhận bí tích này (x. GL. 1001) và phải được rước lễ như của ăn đàng (x. GL. 921 §1).

Tín hữu phải thuộc về cộng đoàn đức tin

37. Trước khi đi khỏi giáo xứ nơi cư trú, tín hữu cần xin giấy giới thiệu của linh mục chính xứ để sẵn sàng chuyển xứ đến nơi định cư hoặc tạm cư mới. Giấy giới thiệu cần ghi rõ các thông tin: Tên thánh, tên đầy đủ, thuộc giáo xứ và giáo họ nào, đã lãnh nhận những bí tích nào, ngày tháng năm, và do ai cử hành.

38. Các tín hữu khi chuyển cư đến một giáo xứ mới cần trình diện và làm thủ tục gia nhập giáo xứ nơi đến để linh mục chính xứ có thể chu toàn bổn phận chăm sóc mục vụ cho họ và chuẩn bị hôn nhân, nếu có, sau này[14]. Một khi thủ

[13] Xem GL. 854, 861.

[14] Khuyến khích chứ không bắt buộc vì cư sở hay bán cư sở thủ đắc theo luật chứ không do việc đăng ký với linh mục chính xứ (xem GL. 96 và 102§1, §2, §3).

đắc cư sở hay bán cư sở theo luật thì linh mục chính xứ có bổn phận cử hành các bí tích cho họ. Người tín hữu dù mới chuyển cư, cũng cần có bổn phận tích cực tham gia vào hoạt động của giáo xứ nơi mình đang cư ngụ.

B. Bổn phận của linh mục đối với tín hữu di dân

Nơi xuất cư

39. Hiện nay, hiện tượng di dân không chỉ là thách đố cho trật tự xã hội mà còn là dấu chỉ thời đại của Hội Thánh lữ hành. Vì thế, Hội Thánh đề nghị các Đấng Bản Quyền địa phương phải lưu tâm chăm sóc mục vụ cho người di dân[15]. Linh mục chính xứ có trách nhiệm hướng dẫn và giúp đỡ cho giáo dân của mình biết và thực hiện những thủ tục cần thiết khi chuyển cư để giúp họ có thể dễ dàng hội nhập và thực hành đời sống đức tin ở nơi cư ngụ mới[16].

40. Tại Việt Nam, ở những thành phố lớn luôn có người nhập cư và ở những vùng nông thôn luôn có người xuất cư. Bản Quyền giáo phận cần đặt một linh mục làm Trưởng ban Mục vụ Di dân để đáp ứng các nhu cầu mục vụ cho giáo dân của giáo phận mình (xuất cư) và giáo dân của các giáo phận, cũng như của quốc gia khác (nhập cư).

Linh mục Trưởng ban Mục vụ Di dân có trách nhiệm giúp Giám Mục giáo phận để phổ biến tài liệu *Hướng dẫn Mục vụ Di dân* này và khi cần có thể liên kết với văn phòng Ủy ban Mục vụ Di dân để được hỗ trợ những thông tin cần thiết giúp cho các tín hữu chuẩn bị đi xa, trong cũng như ngoài nước.

[15] Xem *Tông Hiến Exsul Familia Nazarethana* 32.
[16] Xin tham khảo các mẫu đơn trong phần phụ lục.

41. Ngày nay có rất đông tín hữu Việt Nam đi lao động và học tập ở ngoài nước. Do bản chất cư ngụ là tạm thời theo hạn hợp đồng lao động, hoặc thời vụ, hoặc theo luật cư trú của nước sở tại, linh mục chính xứ nơi xuất cư cần giúp cho các tín hữu hiểu rõ về tình trạng cư trú của mình[17] và những ích lợi thiêng liêng kèm theo. Khi đương sự cần những chứng chỉ bí tích hoặc những giấy tờ cần thiết để gia nhập giáo xứ hoặc dòng tu, cử hành hôn phối, linh mục chính xứ có bổn phận giúp tín hữu xa quê.

42. Trong một số trường hợp liên hệ đến các tín hữu Việt Nam ở ngoài nước, UBMVDD có thể tư vấn, hướng dẫn hoặc liên lạc với HĐGM nước sở tại để hỗ trợ. Linh mục chính xứ không thể từ chối hỗ trợ giáo dân của mình vì bất cứ lý do nào.

Nơi nhập cư

43. Chính Chúa Giêsu đã nhắc nhở về lòng hiếu khách :*"Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước"* (Mt 25,35); các Tổng giáo phận và giáo phận trong địa giới của các trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục và du lịch cần lưu tâm đến việc mục vụ cho người nhập cư. Thực tế mục vụ thúc giục các Ban Mục vụ Di dân cần tổ chức các văn phòng mục vụ di dân một cách sáng tạo và hiệu quả, để nơi đây trở thành điểm đến giúp các tín hữu xa quê được tiếp đón và hướng dẫn, ổn định và hội nhập vào đời sống đức tin tại Hội Thánh địa phương.

44. Linh mục chính xứ cần lưu tâm đến những người nhập cư trong địa sở của mình và kêu gọi các tín hữu trong giáo

---

[17] Xem HDMVDD 23-27.

xứ cộng tác vào việc chăm sóc các tín hữu nhập cư để không một tín hữu nào bị bỏ rơi vì lý do không thuộc cư sở; hơn nữa, cần tận tâm giúp đỡ anh chị em di dân trong đời sống đức tin và con cái của họ được theo học các lớp giáo lý như lớp Xưng tội rước lễ lần đầu, lớp Thêm sức hay các lớp Dự tòng và giáo lý Hôn nhân tại giáo xứ[18].

Trong thực tế, có những giáo xứ gần các trường học hoặc khu công nghiệp, những trung tâm thương mại hoặc du lịch là nơi thu hút nguồn lao động và người nhập cư rất đông. Các linh mục chính xứ cần lưu ý đến tình trạng dân cư của giáo xứ mình và thông báo kịp thời với Bản Quyền giáo phận để có thể bổ nhiệm thêm linh mục trợ giúp cho các tín hữu nhập cư.

Hiện nay có những giáo phận đối diện với nhu cầu mục vụ cho các tín hữu người nước ngoài như việc cử hành Thánh Lễ ngày Chúa nhật và các dịp lễ trọng, mục vụ hôn nhân với người nước ngoài, hoặc các chương trình giáo lý cho trẻ em người nước ngoài đang sinh sống cùng cha mẹ tại Việt Nam. Hướng dẫn mục vụ này đề nghị một số gợi ý mục vụ cho các tín hữu người nước ngoài trong chương V dưới đây.

Năng quyền theo địa sở

45. Trong những năm gần đây, một số linh mục, tu sĩ, phong trào giáo dân ở nước ngoài đã đến Việt Nam để quảng bá ơn gọi hoặc để dấn thân hoạt động tông đồ. Hiện tượng này cũng tạo nên một số thách đố và đòi hỏi cần có những lưu ý thiết thực để phòng tránh những sự cố đáng tiếc có thể xảy ra. Vì thế, các Đấng Bản Quyền cần lưu ý về thủ tục xác nhận nhân thân khi các linh mục ngoài giáo phận đến dâng lễ tại địa

[18] Xem HDMVDD, 31-36.

phương (lưu trú ngắn hạn) hoặc đến tìm kiếm ơn gọi và thiết lập cộng đoàn (cư trú dài hạn)[19].

46. Giáo luật qui định tất cả các linh mục phải nhập tịch vào một Giáo Hội địa phương hay vào một hạt giám chức tòng nhân, hoặc vào một tu hội thánh hiến hay vào một tu đoàn có năng quyền đó; nên không thể tiếp nhận một linh mục không thuộc một Bản Quyền giáo phận hoặc không có Bề trên hợp pháp xác nhận (GL. 265).

47. Các linh mục giáo phận hoặc dòng tu khi có nhu cầu cử hành bí tích hoặc hoạt động mục vụ ngoài lãnh thổ giáo phận có quyền cư sở phải có giấy xác nhận của Bản Quyền (Giám Mục hoặc Giám Tỉnh dòng tu) cấp trong thời hạn 01 năm hoặc được Bản Quyền của giáo phận sở tại xét cách khôn ngoan là không có gì ngăn trở để cử hành bí tích Thánh Thể.

48. Một tư tế phải được nhận cho cử hành Thánh Lễ mặc dù linh mục chính xứ nhà thờ không quen biết, miễn là vị tư tế đó xuất trình celebrete, thư giới thiệu và giấy tờ xác nhận nhân thân do Đấng Bản Quyền hay do Bề Trên dòng tu cấp chưa quá 01 năm, hoặc miễn là linh mục chính xứ có thể nhận định một cách khôn ngoan là không có gì ngăn trở tư tế ấy cử hành Thánh Lễ (GL. 903).

Bổn phận cử hành các Bí tích

49. Đối với những người chuyển cư, dù chưa gia nhập giáo xứ vẫn có quyền được hưởng tất cả các phúc lợi thiêng liêng như mọi tín hữu khác[20].

---

[19] Tham khảo phụ lục mẫu xác nhận nhân thân linh mục.

[20] Xem Công đồng chung Vaticanô II, *Lumen Gentium* 10-11a, 18, 37a *(Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội).*

Khi một tín hữu đã qua đời dù người ấy không có cư sở hoặc bán cư sở trong phạm vi giáo xứ, linh mục chính xứ có bổn phận cử hành các nghi thức an táng vì phần rỗi thiêng liêng của tín hữu và của bản thân mình[21]. Sau khi cử hành an táng, linh mục cử hành an táng, theo phán đoán khôn ngoan của mình, cần tìm cách thông báo với linh mục chính xứ gốc của người tín hữu đã qua đời.

Các bí tích khai tâm

50. Các linh mục không thể từ chối ban các bí tích cho những người xin lãnh nhận các bí tích cách thích đáng, khi đã được chuẩn bị đầy đủ và không bị luật cấm lãnh nhận các bí tích (x. GL. 843 §1).

Linh mục chính xứ cần lo liệu Rửa Tội cho trẻ sơ sinh dù là con cái của đôi bạn đang đang gặp khó khăn trong đời sống hôn nhân, hoặc chung sống ngoài phép Hôn Phối, hoặc là con ngoại hôn, nếu cha mẹ của em hay một trong hai người xin ban bí tích Rửa Tội cho em bé và xét thấy có hy vọng chắc chắn em sẽ được giáo dục trong đạo Công giáo. Chỉ khi hoàn toàn thiếu niềm hy vọng này, linh mục chính xứ có thể hoãn việc cử hành bí tích Rửa Tội cho trẻ sau khi giải thích cho cha mẹ em biết rõ lý do[22].

Hoàn cảnh khó khăn trong đời sống hôn nhân không đương nhiên là "hoàn toàn thiếu niềm hy vọng" để từ chối cử hành bí tích Rửa Tội cho trẻ. Không được trì hoãn việc Rửa Tội cho trẻ em, chỉ vì lý do chờ hợp thức hoá hôn phối cho cha mẹ chúng[23].

---

[21] Xem GL. 276 §2.1^0, 1177 §3.

[22] Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Instr. Pastoralis actio*, 20 oct. 1980, 30-31; GL. 868.

[23] Xem GLHTCG 1250; GL. 867.

51. Linh mục chính xứ tại nơi cử hành bí tích Rửa Tội phải cẩn thận ghi đầy đủ thông tin vào sổ rửa tội và sổ gia đình Công giáo; điều này mang lại những lợi ích cụ thể cho các tín hữu khi phải xuất cư. Trẻ em sinh ra bởi cha mẹ không có hôn phối hợp pháp, thì trong văn khố giáo xứ phải ghi tên mẹ, nếu mẫu tính được biết cách công khai hoặc nếu chính người mẹ yêu cầu bằng văn bản hay trước mặt hai người chứng; cũng phải ghi tên người cha nếu phụ tính được chứng minh qua một tài liệu chính thức hay qua lời tuyên bố của đương sự trước mặt linh mục chính xứ và hai nhân chứng; nếu không, phải ghi tên người được rửa tội và ghi chú hoàn cảnh cụ thể của trẻ để không gây khó khăn về sau. Nếu là con nuôi, phải ghi tên cha mẹ nuôi, ít là khi điều đó được thể hiện trong sổ hộ tịch địa phương, và ghi tên cha mẹ ruột (x. GL. 877).

52. Đối với bí tích Thêm Sức, chỉ có Giám Mục là thừa tác viên ban bí tích này; linh mục chỉ được quyền ban bí tích Thêm Sức khi được Giám Mục ủy quyền, hay khi ban các bí tích khai tâm Kitô giáo cho dự tòng (x. GL. 883). Linh mục chính xứ nơi cử hành bí tích Thêm Sức có bổn phận ghi sổ Thêm Sức tại giáo xứ và báo tin cho linh mục chính xứ nơi đương sự được Rửa Tội để bổ sung văn khố gốc (x. GL. 895).

Bí tích Hôn Phối

53. Các linh mục phải tôn trọng khác biệt về niềm tin tôn giáo và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tín hữu kết hôn theo đúng thủ tục của Giáo Hội; đồng thời lo cho họ học hỏi về giáo lý hôn nhân và giúp đỡ họ thêm về đời sống đức tin trong thời kỳ chuẩn bị bước vào đời sống hôn nhân.

Các linh mục có bổn phận giúp đỡ các tín hữu chuẩn bị cử hành hôn phối với tấm lòng mục tử để:

- Giúp đôi bạn xác định niềm tin Kitô giáo và chuẩn bị cho họ có một đức tin trưởng thành. Nếu họ chưa được lãnh bí tích Thêm Sức, phải lo liệu cho họ nhận bí tích này trước khi kết hôn, vì họ sẽ trở nên chứng nhân đức tin và giáo dục đức tin cho con cái.
- Giúp đôi bạn ý thức về hôn nhân và chuẩn bị đảm nhận những nghĩa vụ vợ chồng và cha mẹ trong gia đình Kitô giáo.
- Phải giải thích và điều tra hôn phối để đảm bảo không có ngăn trở.

Linh mục thuộc các giáo phận, giáo xứ khác nhau có bổn phận giúp đỡ lẫn nhau vì luật, vì trách nhiệm, vì tình huynh đệ cũng như tạo nên hình ảnh vị mục tử nhân hiền, nhẫn nại cho các đôi bạn chuẩn bị bước vào hôn nhân.

54. Bí tích Hôn Phối được cử hành tại giáo xứ mà một trong hai dự hôn có cư sở hoặc bán cư sở, hoặc nơi *:"đã cư ngụ một tháng"*. Nếu không có cư sở, hôn nhân phải được cử hành tại giáo xứ nơi họ đang cư ngụ với phép của Đấng Bản Quyền, hoặc có thể cử hành tại giáo xứ khác khi có phép của Bản Quyền hoặc linh mục chính xứ nơi đó (x. GL. 1115).

Nơi một trong hai người dự hôn có cư sở hay bán cư sở, linh mục chính xứ có bổn phận chứng hôn cho họ sau khi đã hoàn tất thủ tục điều tra hôn phối, dù trước đó chưa biết gì về họ. Linh mục chính xứ chỉ có quyền từ chối chứng hôn vì lý do họ có ngăn trở hôn phối hay vì họ không thuộc quyền chứng hôn của ngài.

Nếu không có phép của Đấng Bản Quyền, linh mục không được chứng hôn trong những trường hợp sau: hôn nhân của những người không có cư sở; hôn nhân giữa hai người không thể kết hôn theo luật dân sự sở tại; vướng mắc hôn nhân trước đây với những nghĩa vụ phát sinh đối với con cái hoặc

người đã kết hôn; người công khai chối bỏ đức tin Công giáo; đang mắc vạ; hôn nhân của người vị thành niên (khi cha mẹ không biết hoặc phản đối)[24].

Năng quyền chứng hôn

55. *Bản Quyền và linh mục chính xứ đối địa*, do chức vụ và trong ranh giới địa hạt của mình, chứng hôn cách thành sự không những cho những người thuộc quyền và cả những người không thuộc quyền miễn là một trong hai người thuộc nghi lễ Latinh (x. GL. 1109).

56. *Bản Quyền và linh mục chính xứ đối nhân*, do chức vụ, chỉ chứng hôn cách thành sự cho những người, mà ít nhất một trong hai là người thuộc quyền mình và trong giới hạn thẩm quyền của mình (x. GL. 1110)[25].

57. *Các linh mục dòng, nếu không phải là linh mục chính xứ*, thì không có năng quyền chứng hôn. Để có được năng quyền, linh mục dòng (không phải là linh mục chính xứ) cần phải có sự ủy quyền tổng quát hay riêng biệt, được ban bởi Đấng Bản Quyền địa phương trong phạm vi giáo phận hoặc bởi linh mục chính xứ trong phạm vi giáo xứ. Linh mục dòng phụ trách dạy giáo lý hôn nhân không đương nhiên có năng quyền chứng hôn.

58. Chiếu theo nguyên tắc luật, sự ủy quyền sẽ vô hiệu nếu người ủy quyền vượt quá quyền hạn mình. Vì vậy, trong chứng hôn, sự ủy quyền cho linh mục hay phó tế cử hành hôn phối ngoài phạm vi địa hạt của mình là vô hiệu.

[24] Xem GL. 1071 §1.

[25] Giáo xứ hay cộng đoàn mục vụ đối nhân được áp dụng cho những Kitô hữu khác biệt với giáo phận sở tại về: ngôn ngữ, sắc tộc hay lễ nghi Phụng tự.

Linh mục chính xứ không có quyền ủy cho một cha nào khác cử hành cho giáo dân của mình ngoài địa sở của mình[26].

Linh mục được thụ ủy không được tái ủy quyền[27].

C. Mục vụ Hôn Phối

Bí tích Hôn Phối

59. Những đặc tính chính yếu của hôn nhân Kitô giáo là sự đơn nhất và bất khả phân ly vì chính Chúa Kitô đã nâng giao ước hôn nhân giữa một người nam và một người nữ đã được rửa tội lên hàng bí tích (x. GL. 1055-1057). Vì thế, các linh mục và cộng đoàn đức tin có bổn phận giúp cho các tín hữu được chuẩn bị, cử hành và bảo toàn bậc sống hôn nhân theo tinh thần Kitô giáo và tiến tới sự hoàn thiện (x. GL. 1063).

60. Quyền kết hôn và lập gia đình là một quyền căn bản của con người và được Giáo luật bảo vệ, các tín hữu cần phải đạt tới sự hiểu biết nhất định để có thể chuẩn bị bước vào đời sống hôn nhân cách xứng đáng và gìn giữ bí tích Hôn Phối cách trung thành.

61. Về tuổi tác: Giáo luật cho phép người nam khi tròn 16 tuổi và người nữ khi tròn 14 tuổi tuổi được phép kết hôn, nhưng trao cho HĐGM quyền ấn định hạn tuổi phù hợp với quốc gia, nền văn hóa nước đó (x. GL. 1083). Tại Việt Nam, HĐGMVN ấn định người nam 20 tuổi và người nữ 18 tuổi được phép kết hôn hợp lệ, nhưng nếu có trường hợp đặc biệt thì phải xin phép Đấng Bản Quyền địa phương.

---

[26] Xem GL. 1115.
[27] Xem GL. 137 §4.

62. Về sức khỏe: Người nam và người nữ phải là những người lành mạnh và trưởng thành về tâm sinh lý. Tuy nhiên, dù một trong hai người mắc bệnh thể lý cũng vẫn có quyền kết hôn, với điều kiện là người phối ngẫu đã được thông báo trước và vẫn đồng ý kết hôn cách tự nguyện. Trong trường hợp một hoặc cả hai người không có khả năng sống đời vợ chồng (như bệnh tâm lý hoặc bất lực giao hợp vĩnh viễn) thì gặp ngăn trở tiến hành hôn nhân hoặc hôn nhân bất thành tự bản chất (x. GL. 1084).

63. Về sự tự do kết hôn: Mọi người phải được tự do chọn lựa và quyết định kết hôn. Mọi hình thức gây áp lực tâm, thể lý ảnh hưởng đến sự tự do kết hôn đều vi phạm nhân phẩm con người, và làm cho hôn nhân vô hiệu. Việc đính hôn hay lễ ăn hỏi không nhất thiết buộc phải kết hôn, mà chỉ có quyền đòi đền bù thiệt hại nếu việc kết hôn không thành (x. GL. 1057, 1062).

64. Về huyết tộc: Hội Thánh cấm kết hôn với người có liên hệ huyết tộc trực hệ (họ máu hàng dọc) dù pháp lý hay tự nhiên; hay có liên hệ bàng hệ (họ máu hàng ngang) đến đời thứ bốn thì sự kết hôn trở nên vô hiệu (x. GL. 1091). Như vậy, không ai có quyền kết hôn với con ruột, con nuôi, con ngoại hôn của mình; không được kết hôn với anh chị em ruột, với cháu nội hay cháu ngoại.

65. Người ly thân và ly dị không được tái hôn: Vì hôn nhân Kitô giáo là bất khả phân ly, việc ly thân hoặc ly dị dân sự không thể chấm dứt mối dây ràng buộc trong bí tích Hôn Phối (x. GL. 1057).

66. Về tôn giáo: Tôn giáo ảnh hưởng rất quan trọng tới đời sống hôn nhân và trong việc giáo dục con cái, nhất là khi quan niệm về hôn nhân giữa hai tôn giáo khác hoặc trái ngược nhau (công nhận đa thê, ly dị). Hội Thánh mong ước những người cùng đức tin kết hôn với nhau nhưng cũng cho phép kết hôn với người có niềm tin tôn giáo khác hoặc cùng Kitô giáo nhưng không hiệp thông với Hội Thánh Roma. Đối với những mối hôn nhân khác tôn giáo, đôi bạn nên tìm sự trợ giúp để có thể hiểu thấu đáo sự khác biệt về mặt đức tin cũng như tìm hiểu bổn phận phải giữ đối với người tín hữu trong đời sống hôn nhân này.

67. Hôn nhân với người chưa được Rửa Tội mà không có phép chuẩn thì không có giá trị trước mặt Giáo Hội. Những người đã thề hứa hoặc khấn sống độc thân (phó tế, linh mục và tu sĩ khấn trọn đời) phải xin miễn chuẩn đặc biệt để việc kết hôn thành sự.

68. Về thủ tục: Việc kết hôn trong Hội Thánh Công giáo phải được chuẩn bị từ trước khi đôi bạn tiến hành các xếp đặt về hôn lễ, tiệc cưới, v.v…vì cần phải có sự chuẩn bị như học giáo lý hôn nhân, điều tra hôn phối, rao hôn phối ở giáo xứ nơi đương sự sống thời gian lâu dài; tại Việt Nam, phải rao trong nhà thờ 3 tuần, trừ khi có phép của Đức Giám Mục giáo phận (thủ tục hôn phối x. HDMVDD 71).

Những điều cần biết khi chuẩn bị kết hôn

Chuẩn bị

69. Bằng việc chuẩn bị cá nhân để kết hôn, nhờ đó hai vợ chồng được sẵn sàng hướng đến sự thánh thiện cũng như những bổn phận của bậc sống mới (x. GL. 1063 §2)

Theo hướng dẫn của Ủy ban Giáo Hoàng về Gia đình[28] thì việc chuẩn bị này bao gồm việc giáo huấn về:

- Những tương quan liên vị giữa người nam và người nữ trong chương trình của Thiên Chúa về hôn nhân và gia đình
- Ý thức về sự tự do ưng thuận như là nền tảng của sự kết hợp, đơn nhất và bất khả phân ly của hôn nhân
- Khía cạnh nhân bản của tính dục hôn nhân, hành vi kết hợp vợ chồng
- Khái niệm đúng đắn trách nhiệm cha mẹ
- Trách nhiệm giáo dục con cái

Vào phần cuối của việc chuẩn bị gần này, đôi bạn cũng cần biết những điều tốt đẹp của hôn nhân và cách sống giữa cộng đoàn, cũng như làm thế nào để "bảo vệ và nuôi dưỡng tình yêu sau này, làm thế nào để tránh những khủng hoảng vợ chồng".

Về bí tích Thêm Sức: Người Công giáo nào chưa lãnh nhận bí tích Thêm Sức, thì phải lãnh nhận bí tích ấy trước khi kết hôn, nếu điều đó có thể thực hiện được mà không có bất tiện nghiêm trọng (x. GL. 1065 §1).

Nếu là tân tòng thì chính linh mục ban bí tích Rửa Tội có năng quyền ban bí tích Thêm Sức.

Nếu là người Công giáo có đạo từ lâu chưa lãnh nhận bí tích Thêm Sức thì có thể xin Đức Giám Mục ủy năng quyền.

Trong trường hợp có những bất tiện nghiêm trọng thì có thể miễn Thêm Sức.

[28] *Chuẩn bị cho bí tích Hôn Nhân* 35, Ủy ban Giáo Hoàng về gia đình, phát hành ngày 13-5-1996.

Thủ tục hôn phối

Thủ tục hôn phối thông thường

Đăng ký kết hôn tại giáo xứ

70. Nơi đăng ký cử hành Hôn Phối: Đôi bạn có thể xin cử hành Hôn Phối tại giáo xứ hoặc bên nam hoặc bên nữ, khi họ đã có cư sở hay bán cư sở tại đó hay ít ra là đã cư ngụ được một tháng (x. GL. 1115). Họ sẽ đăng ký tại giáo xứ mà họ được chấp nhận cử hành hôn phối[29].

Khi muốn cử hành tại một giáo xứ khác: Nếu chưa cư ngụ ở đó đủ một tháng thì đòi phải có sự chấp nhận của linh mục chính xứ nơi cử hành và có phép của Đấng Bản Quyền riêng hay của linh mục chính xứ riêng của một bên trong đôi hôn phối (x. GL. 1115)[30].

Trình diện đăng ký: Đôi bạn nên trình diện đăng ký với linh mục chính xứ, trước khi đăng ký kết hôn phần đời[31].

Trong hai trường hợp nói trên, tuy linh mục chính xứ nơi cử hành có trách nhiệm chính thức lập hồ sơ, nhưng ngài có thể yêu cầu một trong hai bên xin linh mục chính xứ của họ lo làm giúp tất cả hồ sơ. Khi nhận được hồ sơ đã hoàn thành (do linh mục chính xứ bên nam hay nữ gởi đến), thì nếu thấy

---

[29] Giáo luật mới không quy định cử hành hoặc ưu tiên cử hành Hôn Phối tại giáo xứ bên nữ.

[30] Giáo luật không nói xin phép linh mục chính xứ hay Bản Quyền của cả hai bên nam và nữ hay chỉ một bên. Beal chú giải là chỉ cần của một bên, X. BEAL J.P. et alii, 1333.

[31] Để tránh những trường hợp đã đăng ký kết hôn dân sự, mà linh mục chính xứ lại không thể cử hành hôn phối được vì có ngăn trở. Ngoài ra, vì ích lợi mục vụ và theo văn hóa gia đình Việt Nam, khi đến gặp linh mục chính xứ, nên có sự hiện diện của cha mẹ đôi bên, hoặc ít là của cha hoặc mẹ. Trường hợp cha mẹ ở xa, có thể cho số điện thoại để liên lạc nhờ đó có thể giúp lượng định sự trung thực của đôi bạn cách đầy đủ rõ ràng hơn.

hồ sơ đầy đủ và bảo đảm, linh mục chính xứ có thể cử hành Hôn Phối[32].



[32] Ví dụ: Anh A và chị B, đang sinh sống tại Mỹ, muốn xin cử hành hôn phối tại Việt Nam, nếu linh mục chính xứ tại Việt Nam chấp nhận cho cử hành tại giáo xứ mình thì có hai trường hợp lưu ý: (1) Linh mục chính xứ tại Việt Nam lo thành lập hồ sơ; (2) linh mục chính xứ ở Mỹ gởi hồ sơ đến linh mục chính xứ Việt Nam để tiến hành hồ sơ hôn nhân.

Trong trường hợp (1) linh mục chính xứ tại Việt Nam cần phải có giấy cho phép cử hành hôn nhân của linh mục chính xứ nơi anh A và chị B cư ngụ; và tiến hành các bước điều tra và lập hồ sơ thông thường nếu người đó cư ngụ chưa được một tháng, của linh mục chính xứ hay Bản Quyền riêng của họ và cha lo lập thủ tục hồ sơ bằng cách yêu cầu họ xin các chứng nhận cần thiết hay ngay cả tra vấn kết hôn nơi linh mục chính xứ của họ và các giấy tờ dân sự cần thiết khác. Nếu có ngăn trở mà có thể chuẩn được, Bản Quyền của họ hoặc Bản Quyền nơi cử hành đều có thể ban miễn chuẩn. Nếu muốn tha rao thì linh mục chính xứ xin tha rao theo quy định thông thường.

Hồ sơ hôn phối

71. Hồ sơ hôn phối gồm có:
- CMND và hộ khẩu (hay tương đương)
- Giấy chứng nhận kết hôn dân sự
- Giấy giới thiệu kết hôn
- Giấy chứng nhận Rửa Tội và Thêm Sức
- Tờ khai trước khi kết hôn
- Giấy rao hôn phối
- Giấy miễn chuẩn ngăn trở hay giấy phép kết hôn, nếu cần phải có

Giấy giới thiệu kết hôn

72. Giấy này cần có những xác nhận về cư sở, chưa có kết hôn trong thời gian cư ngụ tại giáo xứ và chưa thấy có cấm hôn hay ngăn trở tiêu hôn. Linh mục chính xứ có bổn phận cấp giấy giới thiệu và không được từ chối vì lý do đương sự chưa học giáo lý hôn nhân, không đi lễ, v.v…

Giấy chứng nhận Rửa Tội và Thêm Sức

73. Để tránh những thiếu sót về tình trạng nhân thân, vì một số tình trạng nhân thân thay đổi theo thời gian (như kết hôn, tiêu hôn, chịu chức thánh, khấn dòng) buộc linh mục chính xứ phải ghi chú vào chứng thư và sổ Rửa Tội hoặc sổ Gia đình Công giáo. Nếu không có giấy chứng nhận Rửa Tội do yếu tố khách quan (cháy, thiên tai, chiến tranh,…), linh mục chính xứ nơi cử hành hôn phối yêu cầu họ tự viết bản xác nhận đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội, đối với người được Rửa Tội lúc trưởng thành. Đối với người được chịu phép Rửa Tội từ nhỏ, linh mục chính xứ yêu cầu một thân nhân của họ chứng nhận việc Rửa Tội (x. GL. 876). Nếu bên Công giáo chưa được Thêm Sức, họ vẫn có quyền được chứng hôn, trừ khi linh mục chính xứ nhận định là họ đã bỏ đạo bằng

văn bản chính thức. Linh mục chính xứ có trách nhiệm phải lo cho họ lãnh nhận bí tích Thêm Sức, nếu có thể; khi cần thiết, linh mục chính xứ nên xin Giám Mục ủy quyền để ban phép Thêm Sức cho họ.

Tờ khai trước khi kết hôn

74. Tờ khai nhằm xác định bằng văn bản chính thức ý định kết hôn và khả năng kết hôn của họ. Do đó, tờ khai phải bao gồm đầy đủ những thông tin về:

- Ý thức, chấp nhận hôn nhân bất khả phân ly, đơn nhất, sinh sản và giáo dục con cái
- Ý chí tự do kết hôn
- Ngăn trở tiêu hôn hay bất hợp luật
- Khả năng sức khỏe và tâm sinh lý để kết hôn
- Những điều có thể trở ngại đời sống hôn nhân như: bệnh đồng tính, bệnh nan y, nghiện, vô sinh, có con riêng, nợ nần lớn, đang có quan hệ nam nữ với người khác…

Tờ khai phải được thực hiện bởi riêng từng người một, trước mặt linh mục chính xứ hay linh mục được ủy thác và được làm ngay từ khi đăng ký kết hôn. Vì tờ khai bao gồm những thông tin cá nhân nên linh mục chính xứ không được ủy thác cho giáo dân nhiệm vụ làm tờ khai.

Ngoài tờ khai, linh mục cũng nên yêu cầu người ngoài Công giáo hay tân tòng làm thêm một bản lý lịch dân sự, để biết tình trạng nhân thân và hoàn cảnh trong các thời gian sống của họ trước đây. Trong lý lịch, yêu cầu họ ghi thêm số điện thoại của cha mẹ và anh chị em, để cha chứng hôn có thể liên lạc và điều tra thêm.

Rao hôn phối

75. Là hành vi thông báo công khai cho gia đình giáo xứ hay họ đạo việc đôi dự hôn sắp bước vào đời sống hôn nhân, để mọi người chúc mừng và cầu nguyện cho họ.

Tờ xin rao hôn phối phải được gởi đến các giáo xứ nơi đôi dự hôn có cư sở hay bán cư sở, kể cả giáo xứ nơi bên người chưa chịu phép Rửa Tội đang cư ngụ, và những giáo xứ mà linh mục chứng hôn thấy cần thiết.

Rao hôn phối được thực hiện vào ba Chúa nhật liên tiếp. Linh mục chính xứ có quyền miễn rao một lần, cha Quản hạt có quyền miễn rao hai lần, và Bản Quyền địa phương có quyền miễn rao ba lần.

Các cha đã nhận tờ rao phải gởi lại tờ rao hôn phối cùng với lời ghi chú, nếu có, về vấn đề nghiêm trọng hay hoài nghi (x. GL. 1069). Khi nhận được yêu cầu rao hôn phối, một khi linh mục chính xứ không trả lời, hay không thông báo kịp thời về một ngăn trở, linh mục chính xứ nơi cử hành vẫn tiến hành hôn phối như dự định.

Giấy chứng nhận kết hôn dân sự

76. Giáo luật chung hiện nay đòi phải xin phép Đấng Bản Quyền khi chứng hôn cho những người không thể được công nhận hay không thể kết hôn theo luật dân sự (x. GL. 1071 §1, §2)[33]. Giáo luật tại Việt Nam, từ xưa, vẫn quy định phải hoàn tất thủ tục kết hôn dân sự trước khi cử hành nghi thức hôn nhân.

[33] Lý do khác biệt là vì một số quốc gia công nhận việc chứng hôn của linh mục có giá trị luật.

Giấy miễn chuẩn ngăn trở hay giấy phép kết hôn

77. Căn cứ GL. 1078, trường hợp có những ngăn trở như kết hôn khác đạo, đã có chức thánh hoặc lời khấn vĩnh viễn, ngăn trở tội ác thuộc khung qui định của GL. 1090 thì cần phải xin miễn chuẩn ngăn trở nơi Đấng Bản Quyền địa phương. Nếu không có miễn chuẩn những ngăn trở này thì kết hôn vô hiệu.

Khi việc đăng ký kết hôn dân sự trước khi cử hành hôn lễ gặp khó khăn hoặc những lý do khách quan (cư ngụ ở ngoài địa phương do công việc hoặc mưu sinh) chưa thể hoàn tất được, người tín hữu di dân có thể trình bày với linh mục chính xứ để xin miễn chuẩn tạm hoãn.

Điều cần lưu ý về hôn nhân

78. Sau khi cử hành hôn lễ, linh mục chính xứ nơi chứng hôn phải ghi vào sổ hôn phối của mình và phải gởi chứng thư hôn phối cho các linh mục chính xứ liên hệ như linh mục chính xứ bên nam, linh mục chính xứ bên nữ hoặc cho cả hai linh mục chính xứ trong trường hợp đôi bạn cử hành hôn lễ ở nơi khác. Hôn phối cũng phải được ghi chú vào sổ Rửa Tội của mỗi bên, nên phải được gởi đến linh mục chính xứ nơi rửa tội, dù nơi này không ai trong đôi bạn đang còn cư sở (GL. 1122).

Tìm hiểu về hôn nhân hỗn hợp, dị giáo

Hôn nhân hỗn hợp

79. Khái niệm: Hôn nhân hỗn hợp là hôn nhân giữa hai người đã được Rửa Tội, mà một bên thuộc Giáo Hội Công giáo và bên kia thuộc một Giáo Hội hay một cộng đoàn Giáo Hội không hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công giáo (GL. 1124).

Cần xin phép: Hôn nhân hỗn hợp chỉ hợp pháp khi có phép minh nhiên của Giáo Quyền (GL. 1124).

Phải đặt vấn đề: Phép Rửa Tội của bên không Công giáo có được Hội Thánh chấp nhận và đã cử hành thành sự không? Trong trường hợp không, phải chuyển qua cử hành hôn nhân khác đạo với miễn chuẩn hôn nhân ngăn trở khác đạo, chứ không phải là xin phép cử hành hôn nhân hỗn hợp.

Đấng Bản Quyền có thể ban phép nếu có một lý do chính đáng và phải hội đủ điều kiện (chung cho cả hôn nhân hỗn hợp lẫn khác đạo) theo điều 1125:

* Bên Công giáo phải tuyên bố mình sẵn sàng tránh mọi nguy cơ mất đức tin và thành thật cam kết sẽ làm hết sức để tất cả con cái được Rửa Tội và được giáo dục trong Giáo Hội Công giáo;

* Cả hai bên được giáo huấn về những mục đích và đặc tính chính yếu của hôn nhân mà không bên nào được phép loại bỏ.

Nghi thức kết hôn: Phải sử dụng nghi thức cử hành hôn nhân ngoài Thánh Lễ, trừ khi cần thiết và có phép của Đấng Bản Quyền địa phương. Các vị chủ chăn phải lo liệu trợ giúp về phương diện thiêng liêng bên Công giáo và con cái để họ chu toàn nghĩa vụ mình và giúp đôi bạn được hiệp nhất trong đời sống vợ chồng (x. GL. 1128).

Hôn nhân dị giáo (khác đạo)

80. Khái niệm: Hôn nhân dị giáo hay khác đạo là hôn nhân giữa một người Công giáo và một người không được Rửa Tội.

Phải được miễn chuẩn ngăn trở hôn nhân dị giáo thì mới kết hôn thành sự. Sẽ không được miễn chuẩn nếu không chu toàn những điều kiện nói ở điều 1125 nói ở trên (GL. 1086).

Nghi thức kết hôn: Phải sử dụng nghi thức cử hành Hôn Phối ngoài Thánh Lễ. Có thể cử hành trong nhà thờ hoặc một nơi thích hợp khác (x. GL. 1118 §3).

Thờ cúng tổ tiên

81. Người tân tòng trở về nhà cha mẹ mình, hay người phối ngẫu sống trong gia đình bố mẹ vợ/chồng ngoại giáo[34]:

- Được thực hành những việc đốt hương, nhang, đèn, nến trên bàn thờ gia tiên
- Được vái lạy trước bàn thờ gia tiên hay giường thờ tổ tiên, vì là những cử chỉ thái độ hiếu thảo tôn kính đối với ông bà tổ tiên
- Ngày "kỵ nhật" (tức ngày giỗ) được "cúng giỗ" trong gia đình theo phong tục địa phương, trong tang lễ được vái lạy trước thi hài người quá cố, đốt hương vái theo phong tục địa phương
- Được tham dự nghi lễ tôn kính vị Thành Hoàng quen gọi là "phúc thần" tại đình làng, để tỏ lòng cung kính biết ơn những vị đã có công với dân tộc hoặc là ân nhân của dân làng

82. Nên lưu ý người Công giáo hay cha mẹ của người Công giáo chỉ có thể khuyên chứ không được phép đòi người ngoài Công giáo phải theo đạo như một điều kiện để kết hôn, vì kết hôn với điều kiện tương lai thì hôn nhân vô hiệu, với điều kiện hiện tại hay quá khứ thì phải có phép bằng văn bản của Đấng Bản Quyền (x. GL. 1102).

[34] Xem Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Thông cáo về việc tôn kính Ông bà Tổ tiên và các bậc Anh hùng liệt sĩ,* 20.10.1964; Hội nghị Nha Trang, 14.11.1974, trong văn phòng Tổng Thư Ký Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Giáo Hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004,* Hà Nội 2004, "Giáo Hội Việt Nam với việc thờ kính tổ tiên", tr. 487-490.

83. Linh mục chính xứ cần dành thời giờ tiếp xúc với đôi hôn phối và nhất là cha mẹ bên ngoại giáo. Kinh nghiệm cho thấy thái độ tiếp đón thân tình, tinh thần đối thoại và sự kiên nhẫn giảng giải giúp giải tỏa được rất nhiều ngộ nhận và đôi khi còn đưa người phối ngẫu ngoại giáo đến chỗ tự nguyện đón nhận đức tin.

Linh mục chính xứ tránh thái độ áp đặt đối với người ngoài Công giáo như buộc phải học giáo lý hôn nhân trong một thời gian nhất định. Nếu có khó khăn nghiêm trọng trong việc học, nên hẹn gặp đôi bạn một số giờ để giải thích về hôn nhân, nghĩa vụ vợ chồng và sinh sản giáo dục con cái.

Đối với những đòi hỏi định ngày cưới của người ngoài Công giáo, chúng ta không nên cho rằng họ mê tín dị đoạn, mà phải nên tôn trọng trong chừng mực nào đó, trong tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng, sao cho việc cử hành hôn nhân diễn ra hợp luật vừa không xúc phạm đến niềm tin của họ.

Miễn chuẩn thể thức Giáo luật trong hôn nhân hỗn hợp hay dị giáo

84. Hôn nhân hỗn hợp hay dị giáo đôi khi cũng có thể được miễn chuẩn thể thức Giáo luật, chiếu theo điều 1127 *§2*.

Nếu có những khó khăn nghiêm trọng ngăn cản việc tuân giữ thể thức Giáo luật, Đấng Bản Quyền địa phương bên Công giáo có quyền miễn chuẩn khỏi giữ thể thức ấy trong những trường hợp, nhưng phải tham khảo ý kiến Đấng Bản Quyền địa phương tại nơi cử hành hôn nhân và phải giữ một thể thức cử hành công khai nào đó để hôn nhân được thành sự; việc ấn định những quy tắc để ban phép chuẩn nói trên một cách đồng nhất thuộc Hội Đồng Giám Mục.

Đấng Bản Quyền địa phương của bên Công giáo có quyền miễn chuẩn khỏi giữ thể thức chứ không phải là của bên không Công giáo.

"Phải giữ một thể thức cử hành công khai nào đó để hôn nhân được thành sự". Vì vậy, sẽ không thành sự nếu không cử hành một nghi thức ưng thuận công khai nào đó. Một thể thức công khai phải là có thể chứng minh ở tòa ngoài. Đó có thể là thể thức dân sự theo pháp luật hay tục lệ hoặc là tôn giáo khác như Anh giáo, Chính thống, Tin lành,...[35]

85. Miễn chuẩn thể thức hôn nhân giữa hai người Công giáo là không được phép. Trong trường hợp nghiêm trọng phải xin Tòa Thánh[36]. Trong trường hợp nguy tử thì vẫn phải giữ thể thức nhưng đơn giản hơn là chỉ cần hai giáo dân làm chứng cũng đủ (x. GL. 1116).

86. Trong những trường hợp cử hành hôn nhân dị giáo, nếu người ngoài Công giáo nhất định không chịu cử hành nghi thức hôn phối theo luật đạo thì có thể xin Đấng Bản Quyền bên Công giáo miễn chuẩn thể thức Giáo luật. Cũng nên lưu ý là, cùng với việc xin miễn chuẩn thể thức, phải xin miễn chuẩn ngăn trở hôn nhân dị giáo hoặc xin phép cử hành hôn nhân hỗn hợp, và phải làm thỏa mãn các điều kiện của điều 1125, tức là bên Công giáo phải tuyên bố sẵn sàng xa tránh mọi nguy cơ mất đức tin.

---

[35] Xem BEAL J.P. et alii, *New Commentary on the Code of Canon Law*, Paulist Press, New York 2000, 1127.

[36] Xem BEAL J.P. et alii, *New Commentary on the Code of Canon Law*, Paulist Press, New York 2000, 1128.

Kết hôn với người thuộc Giáo Hội Kitô giáo khác

87. Trong bối cảnh di dân rộng rãi hiện nay, chúng ta có thể gặp một người di dân thuộc một Giáo Hội Kitô giáo khác đến liên hệ với ý định muốn gia nhập Giáo Hội Công giáo Roma hay muốn kết hôn với một người Công giáo tại Việt Nam.

Linh mục chính xứ trước hết phải xác định người này đã nhận Phép Rửa chưa hoặc Phép Rửa Tội có được công nhận thành sự không? Có những Giáo Hội nhận là Kitô giáo (Christian), nhưng không có Phép Rửa, hoặc Phép Rửa của họ không được Giáo Hội Công giáo Roma công nhận.

Sau khi phục sinh, Chúa Kitô trao sứ mạng cho các tông đồ: "Anh em hãy đi giảng dạy cho muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha và Chúa con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em"[37]. Do vậy, Giáo hội Công giáo Roma cho rằng các yếu tố căn bản của bí tích Rửa Tội là:

- Nước
- Công thức Ba Ngôi
- Ý muốn của người được Rửa Tội và của thừa tác viên cử hành nghi thức Rửa Tội (x. GL. 869 §2)

Dựa vào các yếu tố trên, trong những trường hợp cá nhân, vị Giám Mục giáo phận sở tại có quyền quyết định việc nhìn nhận Phép Rửa của họ. Trong những trường hợp tổng quát, Hội Đồng Giám Mục địa phương ra thông báo về Phép Rửa của những Giáo Hội nào được công nhận, sau khi tham khảo ý kiến của Toà Thánh.

Trong thực tế, đối với người đã gia nhập một Giáo Hội Kitô giáo tại Việt Nam, linh mục chính xứ không được tự ý công

---

[37] Xem Mt 28, 19-20; GLHTCG 1223.

nhận Phép Rửa họ đã lãnh nhận. Đối với người đã gia nhập một Giáo Hội Kitô giáo tại nước ngoài, linh mục cần hỏi họ về bằng chứng Phép Rửa và đối chiếu với danh sách các Phép Rửa được công nhận tại quốc gia của họ. Nếu có nghi ngờ, linh mục cần hỏi ý kiến Tòa Giám Mục sở tại.

D. Sự cộng tác của các đoàn thể tông đồ giáo dân

88. Huấn thị *Tình yêu Đức Kitô dành cho di dân* (Erga migrantes caritas Christi) mời gọi các thành phần dân Chúa cộng tác vào sứ vụ chăm sóc anh chị em di dân, không chỉ về đời sống đức tin mà còn cả về chiều kích phát triển toàn diện con người. Vì thế, các đoàn thể tông đồ giáo dân, thiếu nhi Thánh Thể, giáo lý viên, v.v… cần mở rộng nhãn quan với đời sống giáo xứ để lưu tâm đến những gia đình nhập cư trong cộng đoàn đức tin. Người di dân có thể thụ động và mặc cảm khi dấn thân vào nơi xa lạ, dễ bị tổn thương và lạc lối, cộng đoàn đức tin là nơi họ có thể nương tựa và tin cậy; sự cộng tác toàn diện của mục vụ tại giáo xứ sẽ giúp Hội Thánh thi hành sứ vụ mục tử một cách trọn vẹn và thiết thực hơn.

89. Trong các lĩnh vực xã hội, người tín hữu cũng được mời gọi cộng tác vào sứ mạng của Hội Thánh. Với ơn gọi và vai trò của từng tín hữu trong quản trị, giáo dục, y tế, sản xuất, kinh doanh, v.v… Hội Thánh mời gọi anh chị em quan tâm đến những người lao động nhập cư, trẻ em nhập cư, những người nhập cư khuyết tật hoặc có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt các gia đình đang sống ly tán vì kinh tế và nghề nghiệp; hãy đối xử công bằng, bác ái, và nhẫn nại với họ.

90. Đối với nhu cầu mục vụ di dân hiện nay, các giáo phận và trong từng giáo xứ cần lựa chọn những chương trình mục vụ giúp hội đồng mục vụ giáo xứ cộng tác cách cụ thể với

linh mục chính xứ thi hành bổn phận đón tiếp anh chị em di dân, giúp họ hội nhập vào cộng đoàn đức tin tại giáo xứ, tạo điều kiện cho họ thăng tiến đức tin. Đối với các giáo phận và giáo xứ ở trong khu vực có các đại học, lưu xá, xí nghiệp, linh mục chính xứ cần sáng tạo mục vụ, tạo điều kiện cho các đoàn thể trong giáo xứ đón nhận anh chị em di dân.

E. Sự cộng tác của các dòng tu trong mục vụ di dân[38]

91. Huấn thị *Tình yêu Đức Kitô dành cho di dân* cũng khích lệ sự cộng tác của các dòng tu trong mục vụ di dân. Trước tiên, linh mục triều và linh mục dòng đều có thể cộng tác cùng với Giáo Hội địa phương để thi hành mục vụ cho anh chị em di dân trong nước cũng như ngoài nước. Giáo Hội đã và đang tiếp tục bày tỏ lòng tin tưởng vào những gì họ đang thực hiện, đặc biệt đối với những dòng tu có linh đạo và nhân lực dành cho mục vụ di dân. Ngoài những dòng tu có linh đạo mục vụ di dân, các tu hội dòng,các tu hội đời, các tu đoàn tông đồ khác đều được trân trọng mời gọi tham gia vào sứ vụ này vì *"việc họ dấn thân chăm sóc thiêng liêng cho anh chị em di dân, đặc biệt chọn các hoạt động thích hợp với bản chất và mục đích của dòng mình, là điều đáng ca ngợi"*[39]. Vì thế, các dòng tu được mời gọi quảng đại gửi các tu sĩ tham gia trực tiếp vào sứ vụ mục vụ di dân như giúp các chương trình giáo lý căn bản, giáo lý dự tòng, giáo lý hôn nhân. Tuy nhiên, để tạo sự hiệp nhất nơi Giáo hội địa phương và tăng cường hiệu quả mục vụ, Bản Quyền địa phương cần chuẩn y một chương trình giảng dạy cụ thể, đồng bộ và hợp lý để các dòng tu có thể sử dụng trong việc giảng dạy.

---

[38] Xem *Erga migrantes caritas Christi* 80-85.
[39] Xem *De Pastorali Migratorum Cura* 53,2.

V. MỘT SỐ GỢI Ý ĐỐI VỚI MỤC VỤ NGOẠI KIỀU

Về hành chánh, địa giới (cấp giáo tỉnh, cấp giáo phận*)*

92. Hiện nay, tại Việt Nam đã bắt đầu hình thành các cộng đoàn tín hữu người nước ngoài sinh hoạt theo khối ngôn ngữ và văn hóa (Anh, Đức, Hàn, Pháp, Nhật, Trung, v.v…) Đây là niềm vui cho Giáo Hội địa phương nhưng cũng là thách thức mục vụ không thể lãng quên. Để có thể thực hiện sứ mạng của Hội Thánh và chăm sóc mục vụ cho ngoại kiều, Đấng Bản Quyền có thể bổ nhiệm linh mục đại diện để phụ trách mục vụ cho người nước ngoài. Ở mỗi giáo tỉnh cũng cần đặt một linh mục đặc trách ngoại kiều để không chỉ làm mục vụ trực tiếp cho người nước ngoài trong địa giới giáo phận mà còn làm chức năng cầu nối hỗ trợ các giáo phận trong giáo tỉnh để điều tra, chuẩn bị và cử hành hôn phối có liên quan đến người nước ngoài hoặc các chương trình giáo lý cho trẻ em người nước ngoài.

Nhân sự mục vụ (linh mục bản xứ, linh mục Việt Nam nói ngoại ngữ)

93. Tùy nhu cầu mục vụ cụ thể của từng địa phương, vị đại diện Giám Mục của giáo phận hoặc linh mục đặc trách mục vụ cho ngoại kiều của giáo tỉnh có thể xin linh mục bản xứ để hỗ trợ mục vụ và cử hành bí tích khi có khác biệt về ngôn ngữ hoặc nghi lễ. Hiện nay, UBMVDD có thể liên hệ với các linh mục và tu sĩ đã đi du học trở về hoặc các giáo phận ở nước ngoài để đáp ứng cho nhu cầu mục vụ dành cho người nước ngoài.

Cộng đoàn đức tin người nước ngoài

94. Để chăm lo mục vụ cho các cộng đoàn khác biệt về ngôn ngữ hay nghi lễ, vị Giám Mục giáo phận hay HĐGM có quyền trực tiếp thiết lập giáo xứ hay giáo đoàn riêng cho họ. Hiện nay tại Việt Nam, có một giáo xứ tòng nhân là giáo xứ Phanxicô Xaviê thuộc Tổng giáo phận TPHCM, lo mục vụ cho người Hoa trên toàn đất nước Việt Nam.

95. Dù giáo xứ phải có tính cách tòng thổ, nghĩa là bao gồm tất cả các tín hữu thuộc một địa hạt nhất định, tuy nhiên nếu có nhu cầu mục vụ thì phải thiết lập các giáo xứ tòng nhân cho các cộng đoàn đức tin không cùng ngôn ngữ và nghi lễ (GL. 518).

Việc cử hành và lãnh nhận bí tích cho người nước ngoài

96. Mặc dù có những giới hạn về ngôn ngữ, linh mục không thể từ chối ban bí tích hoặc ngăn cản tín hữu người nước ngoài lãnh nhận bí tích. Bằng lương tâm mục tử của mình, các linh mục cần liên hệ với Tòa Giám Mục giáo phận hoặc UBMVDD để được hướng dẫn hoặc sắp xếp cách tốt đẹp nhất cho các tín hữu.

97. Trong trường hợp nguy tử hoặc cấp bách (như chiến tranh, tai nạn, hấp hối hoặc đối diện nguy cơ tử vong), các linh mục buộc phải giải tội cho các tín hữu; Giáo luật cho phép giải tội với sự trợ giúp của thông dịch viên với điều kiện phải hứa giữ bí mật thông tin tòa giải tội (GL. 983, 986). Các linh mục cũng có thể cử hành bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân bằng tiếng Việt khi tín hữu nước ngoài ao ước nhận lãnh khi nguy tử hoặc trong trường hợp cấp bách.

Thủ tục kết hôn với ngoại kiều

Kết hôn với ngoại kiều Công giáo

98. Ngoài những thủ tục điều tra hôn nhân thông thường, thì người ngoại kiều cần có những giấy tờ sau đây nếu muốn đăng ký kết hôn

- Giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền cấp chưa quá 06 tháng. Lưu ý đối với nhiều quốc gia giấy xác nhận độc thân chỉ nói lên yếu tố thong dong trong thời điểm này mà không xác nhận người ấy chưa bao giờ kết hôn hoặc đã ly dị[40]
- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam[41]
- Giấy chứng nhận bí tích Rửa Tội, Thêm Sức
- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do chính quyền Việt Nam cấp[42]

---

[40] Theo luật quốc gia Việt Nam, kết hôn có yếu tố nước ngoài, đôi bạn cần có hồ sơ sau:

- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu
- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam, và giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận hiện tại người đó là người không có vợ hoặc không có chồng
- Giấy khám sức khỏe
- Bản sao Hộ chiếu và các giấy tờ có giá trị như giấy thông hành hoặc thẻ cư trú đối với công dân nước ngoài
- Bản sao sổ Hộ khẩu đối với công dân Việt Nam cư trú trong nước
  (x.Nghị định 24/2013/NĐ-CP Hướng dẫn Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài)

[41] Nếu là người VN đang ở nước ngoài, do tạm trú, mới nhập cư ... mà không thể có giấy chứng nhận của chính quyền nước đó thì buộc phải có giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân của chính quyền VN hay Đại Sứ Quán VN tại nước đó.

- Giấy giới thiệu của cha quản xứ bên người ngoại kiều[43]
- Thẩm vấn và điều tra hôn phối theo luật

Kết hôn với ngoại kiều không Công giáo

Theo quy định của HĐGMVN

99. Ngoài những giấy tờ cần thiết như trường hợp ngoại kiều Công giáo, linh mục chính xứ nơi cử hành hôn phối giúp làm giấy xin miễn chuẩn hôn phối khác đạo (với người chưa chịu phép Rửa Tội) hay xin phép cử hành hôn nhân hỗn hợp (với người theo đạo Tin lành, Anh giáo ...).

Linh mục chính xứ chỉ đề nghị lên Đấng Bản Quyền để cho phép hay miễn chuẩn ngăn trở sau khi đã điều tra cẩn thận và không có nghi ngờ gì về cấm hôn hay ngăn trở tiêu hôn và sự thành tâm của đương sự [44].

Đối với người ngoài Công giáo đã ly dị và sẵn sàng Rửa Tội để hưởng đặc ân thánh Phaolô khi kết hôn, thì linh mục

---

[42] Khi có lý do chính đáng, ít nhất phải có giấy hẹn của Sở Tư Pháp. Trường hợp nghi ngờ khả năng bảo lãnh để có thể chung sống, thì phải có giấy nhập cảnh (visa)

Thủ tục đăng ký kết hôn tại Việt Nam trải qua những giai đoạn sau:

- Bước 1: Các bên tiến hành nộp hồ sơ đăng ký kết hôn tại tư pháp
- Bước 2: Sở Tư pháp sẽ tiến hành phỏng vấn hai bên nam, nữ để làm rõ về nhân thân và sự tự nguyện kết hôn của hai bên nam, nữ
- Bước 3: Sở Tư pháp tiến hành thẩm tra hồ sơ, sau đó báo cáo kết quả và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ký giấy chứng nhận đăng ký kết hôn
- Bước 4: Sở Tư pháp tiến hành lễ đăng ký kết hôn cho hai bên nam, nữ

[43] *Giấy này có thể không buộc phải có nếu không thể có được*. Như ở một số giáo xứ bên Mỹ, linh mục chính xứ từ chối cấp giấy giới thiệu vì không biết rõ về tình trạng của giáo dân

[44] Nếu có khó khăn về ngôn ngữ, nên nhờ một cha khác giúp một số vụ việc, như hướng dẫn về giáo lý hôn nhân cho người ngoài Công giáo ngoại quốc, thẩm vấn về nhân thân và tình trạng hôn nhân…

chính xứ cần yêu cầu đương sự trải qua thời gian dự tòng để giúp họ trưởng thành trong đức tin[45].



[45]Không được rút gọn thời gian dự tòng với lý do là chỉ được tạm trú ở Việt Nam trong thời gian ngắn. Có thể chấp nhận cho họ học và theo đạo tại quốc gia quê hương họ và sau đó có giấy giới thiệu của linh mục chính xứ nơi họ ở. Cũng nên biết, một số giáo phận ở VN có thông báo là không chấp nhận cho miễn chuẩn hôn nhân dị giáo hay cho hưởng đặc ân thánh Phaolô khi kết hôn với người ngoại kiều.

VI. LỜI KẾT

100. Ủy ban Mục vụ Di dân thực hiện *Hướng dẫn Mục Vụ* này với sự cộng tác của các chuyên viên trong lĩnh vực mục vụ có liên hệ với ước mong góp phần nâng đỡ, hướng dẫn, đồng hành và giúp anh chị em tín hữu có thể ổn định cuộc sống xa quê, vững mạnh trong đời sống đức tin nơi xa xứ, và hội nhập với Giáo Hội địa phương một cách trọn vẹn.

Sự phát triển của thế giới đã dẫn đến tình trạng di dân mỗi ngày một nhiều với những mối bang giao gia tăng và phương tiện giao thông dễ dàng, đời sống xã hội ngày càng mở rộng và đa dạng, vì thế cũng cần phải lưu tâm tâm đến nhu cầu của dân Thiên Chúa rải rác trên khắp địa cầu (*Sắc lệnh Tông đồ giáo dân*, số 10).

Một cách cụ thể, UBMVDD có bổn phận cung cấp những hướng dẫn mục vụ và thông tin cần thiết cho các giáo phận để hỗ trợ các tín hữu trong việc sống đức tin trong hoàn cảnh chuyển cư. Ủy ban cũng có thể cung cấp thông tin liên lạc của các cộng đoàn, linh mục, tu sĩ Việt Nam ở nước ngoài để hỗ trợ cho các tín hữu đi lao động ngoài nước. Tại các quốc gia có số lượng lớn lao động người Việt Nam, nếu vì nhu cầu mục vụ cho các tín hữu, UBMVDD có bổn phận liên hệ với ủy ban đồng cấp trực thuộc HĐGM các quốc gia hoặc Tòa Giám Mục các giáo phận để đề xuất và ký kết các thỏa thuận mục vụ chăm sóc đời sống bí tích cho các tín hữu.

Hướng dẫn Mục vụ Di dân này được Hội Đồng Giám Mục Việt Nam phê chuẩn và ban hành như một hướng dẫn mục vụ chung cho Hội Thánh tại Việt Nam và cho các tín hữu Việt Nam đang tạm cư tại các quốc gia với hy vọng cùng toàn thể Hội Thánh thông phần sứ mạng loan báo Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô Phục Sinh.

Ước mong các mục tử phổ biến *Hướng dẫn mục vụ* này như một nỗ lực đồng hành cùng dân Chúa trên từng bước đường lữ hành với tâm thế của Chúa Giêsu Mục tử nhân lành mang lại sự sống dồi dào đến cho đoàn chiên và chữa lành những thương tật đang trĩu nặng tâm hồn con người.



PHỤ LỤC 1

Hôn nhân nhờ đặc ân thánh Phaolô

Đặc ân thánh Phaolô hệ tại ở việc cho tháo gỡ hôn nhân giữa hai người không chịu phép Rửa Tội vì lợi ích đức tin của người đã được Rửa Tội, do chính sự kiện người ấy tái hôn, miễn là người không được Rửa Tội chia tay người ấy (GL. 1143).

Đặc ân có mục đích trợ giúp đức tin cho người tân tòng, có nguồn gốc từ giáo huấn của thánh Phaolô trong thư 1Cr 7, 12-13: Ai trong anh em có chồng hay vợ không tin mà họ muốn sống chung thì không được chia tay, nhưng "*nếu người không tin chia tay, thì hãy để họ chia tay*" và người tin không còn bị ràng buộc.

Theo đó, tiến trình thông thường để được đặc ân thời thánh Phaolô là: Đã có kết hôn giữa hai người không được Rửa Tội. Sau đó một người và chỉ một người trong hai người đó, được Rửa Tội[46]. Người không Rửa Tội chia tay[47].

Người Rửa Tội được phép chia tay, được tháo cởi dây hôn phối và được tái hôn sự "chia tay" trong đặc ân không được hiểu theo nghĩa thông thường, nhưng theo nghĩa của Giáo luật quy định:

Người không chịu phép Rửa Tội được kể là chia tay, nếu không muốn sống chung với người đã được Rửa Tội hay không muốn sống chung hòa thuận mà không xúc phạm đến

---

[46]Thời các Tông đồ, họ là những người tân tòng, nghe rao giảng và đã theo đạo

[47]Có lẽ vì không muốn vợ hay chồng mình là Kitô hữu hoặc chống lại việc giữ đạo. Do đó bên người ngoài Công giáo được hỏi là có muốn sống chung mà không xúc phạm đến Chúa không? Trong trường hợp người ngoài Công giáo vẫn muốn sống chung, nhưng chống lại việc giữ đạo của bên Công giáo thì Giáo luật vẫn kể là chia tay

Đấng Tạo Hóa, trừ trường hợp sau khi chịu phép Rửa Tội, người được Rửa Tội đã gây ra nguyên nhân chính đáng để người kia được chia tay (GL. 1143 §2).

Điều kiện để "được kể là chia tay" phải được kiểm chứng qua sự chất vấn, theo điều 1144 §1 quy định: Để người được Rửa Tội tái hôn thành sự, thì luôn luôn phải chất vấn người không chịu phép Rửa Tội để biết: Người này có muốn được Rửa Tội hay không, ít là người này có muốn sống chung hòa thuận với người đã được Rửa Tội mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa hay không?

Sự ly dị của hai người ngoài Công giáo ở tòa án dân sự, cho dù có chứng thư ly dị cũng không đủ để kể là chia tay theo Giáo luật. Vì vậy, phải hỏi như Giáo luật quy định: *Có muốn chịu phép Rửa Tội không; có muốn sống chung không mà không xúc phạm đến Chúa không?*

Hiện nay, đa số trường hợp là hai người ngoài Công giáo đã chia tay hay ly dị trước khi tiến hành cho hưởng đặc ân. Nếu đặt câu hỏi như luật định thì thấy có những vô nghĩa hay dư thừa, nên đề nghị được chuyển thành 2 câu hỏi tế nhị như sau:

Ông/bà có khi nào muốn theo đạo Công giáo không?

Câu trả lời thứ nhất nếu có kết cục là "có muốn theo đạo" thì phải dừng việc ban đặc ân. Nếu là "không" thì mới hỏi tiếp câu thứ hai.

Ông/bà còn có muốn tái hợp với ông/bà...này nữa không?

Nếu lần này trả lời là "không" nữa thì cho phép hưởng đặc ân, nhưng nếu trả lời là "có" thì phải hỏi thêm:

Ông/bà vẫn muốn tái hợp nhưng có tôn trọng đạo Công giáo của chồng/vợ này không?

Nếu câu trả lời là “có” nữa thì không được phép áp dụng đặc ân thánh Phaolô, nhưng nếu câu trả là “không” thì được phép.

Nếu vì lý do quan trọng phải làm trước thì phải xin phép Đấng Bản Quyền (GL. 1144 §2). Việc chất vấn có thể qua một thủ tục đơn giản, ngoại tư pháp, do Đấng Bản Quyền, hoặc linh mục chính xứ, hay ngay cả bên trở lại làm riêng tư khi có khó khăn. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp sự kiện chất vấn và kết quả của việc chất vấn phải được xác minh ở tòa ngoài (linh mục chính xứ xác minh và làm bản xác nhận, ký tên, lưu hồ sơ) (GL. 1145).

Nếu thấy rõ việc chất vấn không thể thực hiện được hoặc có chất vấn cũng vô ích thì có thể xin Đấng Bản Quyền miễn việc chất vấn. Việc này rất quan trọng, vì nếu bỏ việc chất vấn mà không xin phép, hôn nhân vô hiệu (GL. 1144)[48].

Nếu bên được chất vấn từ chối trả lời thì đặc ân vẫn được ban (GL. 1144). Người được Rửa Tội, không giới hạn phải là Công giáo, cũng có thể là người theo và được Rửa Tội trong một cộng đoàn thuộc một Giáo Hội hay một cộng đoàn Giáo Hội không hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công giáo (ví dụ: Anh giáo, Tin lành)[49].

Bản Quyền sở tại, vì lý do nghiêm trọng, cũng có thể cho phép tân tòng Công giáo kết hôn với người thuộc Giáo Hội Kitô giáo khác (hôn nhân hỗn hợp) hoặc cho miễn chuẩn để kết hôn khác đạo (GL. 1147).

Linh mục chính xứ tiến hành ban đặc ân thánh Phaolô theo luật quy định, không cần phải xin phép Đấng Bản Quyền,

[48] Giấy ly dị dân sự không thay thế được cho việc chất vấn. Nếu không chất vấn và cũng không xin phép miễn chất vấn, hôn nhân vô hiệu.

[49] Trả lời của Bộ GLĐT, 30-8-1976, CLD 8, 837-840.

ngoại trừ những trường hợp riêng có quy định xin phép hay xin miễn chuẩn.

Người ngoài Công giáo theo đạo, để được hưởng đặc ân, trước tiên phải là một tân tòng có đức tin. Vì vậy không được chấp thuận rút ngắn thời gian dự tòng. Họ phải được học giáo lý và trải qua thời gian dự tòng là 6 tháng hoặc theo quy định của từng giáo phận.

Về "đoạn tuyệt"; Giáo luật điều 1143 trả lời rằng:

§1 Hôn nhân giữa hai người không chịu phép Rửa Tội được tháo gỡ nhờ đặc ân thánh Phaolô vì lợi ích đức tin của người đã được Rửa Tội do chính sự kiện người ấy tái hôn, miễn là người không được Rửa Tội chia tay người ấy.

§2 Người không chịu phép Rửa Tội được kể là chia tay, nếu không muốn sống chung với người đã được Rửa Tội hay không muốn sống chung hòa thuận mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa, trừ trường hợp sau khi chịu phép Rửa Tội, người được Rửa Tội đã gây ra nguyên nhân chính đáng để người kia chia tay[50].

Người không Rửa Tội không muốn chung sống thuận hòa mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa[51].

---

[50]Ví dụ: Anh A và chị B, cả hai đều không Công giáo, cưới nhau. Sau một khoảng thời gian chung sống, anh A được ơn hoán cải và muốn chịu Phép Rửa để gia nhập Công giáo. Nhưng chị B không đồng ý khiến đời sống vợ chồng lục đục. Anh A chịu Phép Rửa và chị B quyết định ly hôn. Trong trường hợp này, anh A và một người Công giáo hoặc không Công giáo khác có thể cưới nhau với phép của Bản Quyền địa phương [Đức Giám Mục Giáo Phận].

[51]Ví dụ: Anh A và chị B, cả hai đều không Công giáo, cưới nhau. Sau một khoảng thời gian chung sống, anh A được ơn hoán cải và muốn chịu Phép Rửa để gia nhập Công giáo. Chị B không đồng ý. Dù không ly hôn nhưng sau khi anh A chịu Phép Rửa, chị B luôn lớn tiếng xúc phạm đến Chúa khiến cho đời sống của hai vợ chồng không thể tốt đẹp được. Họ quyết định ly hôn. Trong trường hợp này, anh A và một người Công giáo hoặc không Công giáo

Nhưng Giáo luật cũng nói thêm rằng "việc đoạn tuyệt này không phải do người chịu phép Rửa Tội gây ra để kiếm cớ mà đoạn tuyệt với người đó"[52].

Bản Quyền địa phương là người có thẩm quyền ban đặc ân này. Thông thường, ngài sẽ cử người điều tra để xác minh những điều kiện vừa nói ở trên[53]. Cụ thể, sẽ phải có một cuộc chất vấn dành cho người không Rửa Tội. Giáo luật điều 1144 còn nói rõ: "Sự chất vấn như vậy được thực hiện sau khi Rửa Tội. Vì lý do quan trọng, Bản Quyền sở tại [Đức Giám Mục] có thể cho phép thực hiện sự chất vấn trước khi Rửa Tội, hay kể cả miễn chuẩn việc chất vấn hoặc trước hoặc sau khi Rửa Tội, miễn là ngài thấy rõ ràng, ít là sau một thủ tục đơn giản ngoài tố tụng, rằng việc chất vấn không thể thực hiện được, hay sẽ vô ích."

---

khác có thể cưới nhau với phép của Bản Quyền địa phương [Đức Giám Mục giáo phận].

[52]Ví dụ 1: Anh A và chị B, cả hai đều không Công giáo, cưới nhau. Sau một khoảng thời gian chung sống, anh A, vì muốn cưới cô C là người Công giáo, nên đã xin gia nhập Công giáo, rồi về kiếm cớ gây gỗ, khiến cô B phải ly hôn anh để anh có thể cưới cô C. Hoặc anh A kiếm cớ gây gỗ khiến cô B phải ly hôn, rồi sau đó anh A xin Rửa Tội gia nhập Công giáo để cưới cô C. Đây là điều không được phép và đặc ân Phaolô không áp dụng trong trường hợp này.

Hoặc:

Ví dụ 2: Anh A và chị B, cả hai đều không Công giáo, cưới nhau. Sau một khoảng thời gian chung sống, anh A muốn chịu Phép Rửa để gia nhập Công giáo. Chị B không có ý kiến gì và đời sống của họ không có gì trục trặc. Nhưng không lâu sau đó, anh A, vì muốn cưới chị C là người Công giáo, nên về nhà kiếm cớ gây chuyện để ép chị B phải ly hôn. Đây là điều không được phép và đặc ân Phaolô không áp dụng trong trường hợp này.

[53]Ví dụ: Chị B trong các ví dụ trên, hỏi xem chị ta có muốn chịu phép rửa giống người kia (anh A) không hoặc ít ra là có muốn sống hòa thuận với anh A mà không xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa không?

PHỤ LỤC 2

Hôn nhân nhờ đặc ân thánh Phêrô

Đặc ân thánh Phêrô không được nói rõ trong Giáo luật và cũng không xuất phát từ giáo huấn nào của thánh Phêrô, nhưng có ý muốn nói đến đặc ân mà Đức Giáo Hoàng (người kế vị thánh Phêrô) ban cho tín hữu vì lợi ích đức tin của người ấy.

Huấn thị *Potestas Ecclesiae* của Bộ Giáo Lý Đức Tin, công bố ngày 30 tháng 4 năm 2001, nói rằng: "Trong những hoàn cảnh đặc biệt nào đó, hôn nhân giữa những người không Công giáo hoặc ít là một trong hai người không phải là người Công giáo, có thể bị tiêu trừ vì lợi ích đức tin của tín hữu và vì ơn cứu độ cho các linh hồn, với năng quyền do Đức Thánh Cha ban". Một vài gợi ý trích từ hướng dẫn bởi Tổng Giáo phận New Orleans, Hoa Kỳ, có thể giúp hiểu rõ hơn về trường hợp xin đặc ân thánh Phêrô:

- Ít là một trong hai người chưa được Rửa Tội (theo Giáo Hội Công giáo) trước khi kết hôn và vẫn giữ nguyên tình trạng như thế trong suốt thời kỳ hôn nhân.

- Khi không còn hy vọng gì để hòa giải và người xin đặc ân Phêrô không phải là người gây ra nguyên do khiến cuộc hôn nhân bị đổ vỡ

- Dù bên không rửa tội đã Rửa Tội sau đó, nhưng hai người đã không có quan hệ vợ chồng từ khi người này chịu phép Rửa, vì lý do nào đó ?

- Nếu người xin đặc ân Phêrô hay người dự định sẽ kết hôn đều không phải là người Công giáo, thì phải cam kết là sẽ nuôi dưỡng con cái của mình theo đường hướng Công

giáo và không ngăn cản bên Công giáo thực hành đức tin Công giáo của mình

Khi một người Công giáo được miễn trừ khỏi mọi ràng buộc để kết hôn với một người không Công giáo thì phải bày tỏ ý định xin Rửa Tội trong Giáo Hội Công giáo. (*Potestas Ecclesiae*, đ. 7 § 2).

Người xin đặc ân dự định kết hôn với người không bị ngăn trở trong Giáo Hội Công giáo.

Người xin đặc ân Phêrô dự định kết hôn với một người không phải là nguyên nhân gây ra đổ vỡ của hôn nhân trước.

Việc ban đặc ân Phêrô không được trở thành cớ vấp phạm hoặc gây hoang mang cho các tín hữu.

Hồ sơ và điều kiện để được xin đặc ân Phêrô không phải là đảm bảo chắc chắn sẽ được ban đặc ân này khi không mang lại ích lợi linh hồn cho người liên hệ.



PHỤ LỤC 3

Một số mẫu đơn liên hệ

- ✓ *Mẫu giấy giới thiệu của xứ gốc cho tín hữu chuyển cư*
- ✓ *Mẫu hồ sơ hôn phối*
- ✓ *Mẫu xác nhận nhân thân linh mục*



Giáo phận…………......
Giáo xứ………………

MVDD.GD CC 01.2017

GIẤY GIỚI THIỆU
CỦA GIÁO XỨ GỐC CHO TÍN HỮU CHUYỂN CƯ

Kính trình linh mục chính xứ……………………………

Con xin giới thiệu đến cha anh/chị
(Tên thánh, họ và tên)……………………………......................
Sinh ngày:………………………….. tại…………… ....
Rửa tội ngày:……………………… tại...
Tình trạng hôn nhân:………...
Thuộc giáo xứ:………………… giáo phận: ....
CMND:………………… ....
Điện thoại:………………………email: … ....
Địa chỉ:…………...
Con ông………………...
Và bà………………… ....
Cư ngụ tại……………… ....
Là người thuộc phạm vi giáo xứ………….....................................
Nay anh/chị chuyển cư đến……………….....................................
Và xin gia nhập giáo xứ cha phụ trách.
Kính mong cha chấp thuận.

………..ngày…tháng….năm………

Linh mục chính xứ:…………………

Giáo phận.....................
Giáo xứ ....

MVDD.GD GTHP 01.2017

GIẤY GIỚI THIỆU HÔN PHỐI

Tôi, linh mục ....chính xứ.......................

XIN GIỚI THIỆU

Anh (Chị): .... tuổi:....................................
Con ông: ....
Và bà: ....
Rửa Tội ngày: ....
Thêm Sức ngày: ....
Hiện đang ở: ....
Anh (Chị) hiện đang trong tình trạng thong dong, và muốn kết hôn theo luật Giáo Hội với:
Anh (Chị): …………………….........tuổi..
Con ông : …....................................bà............ ………….........
Thuộc giáo xứ: ....giáo phận……......................
Xin Cha thương giúp đỡ anh (chị) tiến hành các thủ tục Hôn Phối theo luật định.
Chân thành cám ơn cha.

…...ngày ….tháng…….năm……

Linh mục chính xứ:…… ……

Giáo phận:……………………..
Giáo xứ:……………………..

MVDD.GD.RHP 01.2017

GIẤY XIN ĐIỀU TRA VÀ RAO HÔN PHỐI

Kính gửi cha……………….. ....

Giáo xứ………………giáo phận………......................................
Có đương sự:……………………………..
Sinh ngày:………......................... tại………… ....
Con ông:……………………………...
Và bà:……………………………….......................................
Trước đã ở tại giáo xứ:……………… giáo phận:……….............
Hiện cư ngụ tại giáo xứ:…………….. giáo phận:……..................
Xin kết hôn với:………… …………………… ....
Sinh ngày:…… ………………...tại………… ....
Con ông:…………………………………….................................
Và bà:………………………………………................................
Trước đã ở tại giáo xứ:……………… giáo phận:……..................
Hiện cư ngụ tại giáo xứ: …………….. giáo phận:….....................
Xin cha vui lòng điều tra và rao theo Giáo luật, sau đó gửi lại cho chúng con kết quả trước ngày ..../ .... /...........
Xin chân thành cám ơn Cha.

........ngày…...tháng…năm..........

Linh mục chính xứ:……………

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VÀ RAO HÔN PHỐI

Tôi, linh mục:...
Chính xứ giáo xứ : .... giáo phận:..........................

Chứng thực đã điều tra và rao..... lần vào các ngày Chúa nhật sau đây:
1) Ngày: ..../ ..../ ....
2) Ngày: ..../ ..../ ....
3) Ngày: ..../ ..../ ....
Hết hạn, không thấy ai thưa ngăn trở gì về hôn phối của anh ....và chị...

…..ngày……tháng……năm……

Linh mục chính xứ:…………

Giáo phận..................
Giáo xứ.......................

MVDD.GD.HPHH 01.2017

ĐƠN XIN PHÉP CHUẨN HÔN NHÂN HỖN HỢP

Kính gửi: Đức Cha ……………………………
Giám Mục giáo phận ………………

Với sự giải thích về các điều kiện để được phép chuẩn Hôn nhân hỗn hợp và sự chứng nhận của
Linh mục: : ……………………………
Đang phụ trách giáo xứ: ………………giáo phận:……........
Chúng con đồng ký tên dưới đây:

Công giáo:	Giáo Hội anh em:
Sinh ngày:	Sinh ngày:
Tại:	Tại:
Tên cha:	Tên cha:
Tên mẹ:	Tên mẹ:
Hiện cư ngụ tại:	Hiện cư ngụ tại:
Rửa Tội:	Rửa Tội ngày:
Tại giáo xứ:	Tại:
Thêm Sức:	Thuộc Giáo Hội:
Tại giáo xứ:	Cử hành bởi:
Đã kết hôn với:	Công thức Rửa Tội:
Đã qua đời (ly hôn) ngày:	Đã kết hôn với:
Tại:	Đã qua đời(ly hôn) ngày:
	Tại:

Chúng con đã chung sống với nhau nhưng chưa có phép đạo từ năm: ......

- Đã có .... con
- Rửa tội .... con.

- Đã có giấy chứng nhận kết hôn dân sự: ....

Cả hai chúng con hiện không có ngăn trở và được tự do kết hôn Kính xin Đức Cha thương ban phép cho chúng con được kết hôn với nhau theo phép chuẩn hôn nhân hỗn hợp của những điều kiện quy định trong Giáo luật điều 1125 và 1126.

Sau khi nghe linh mục............................... giải thích về các điều kiện để được phép chuẩn, chúng con đã hiểu biết và quyết tâm cam kết như sau:

A. Công giáo

Con là...
Cam kết:

1. Luôn cố gắng trung thành với Thiên Chúa, tránh mọi nguy cơ mất đức tin Công giáo,
2. Con cái phải được lãnh bí tích Rửa Tội và được giáo dục trong Giáo Hội Công giáo.

B. Giáo Hội anh em

Con là..
Cam kết:

1. Con đã được nghe giải thích và hoàn toàn ý thức về lời cam kết vì nghĩa vụ của bên Công giáo. Con hứa sẽ không cản trở người bạn Công giáo tự do giữ đạo của mình.
2. Con hứa cho tất cả con cái được Rửa Tội và được giáo dục theo đức tin Công giáo.

C. Cả hai chúng con đã hiểu rõ mục đích của hôn nhân là

1. Yêu thương và giúp đỡ nhau sống hạnh phúc.
2. Sinh sản và giáo dục con cái thật tốt.

Và chấp nhận các đặc tính chính yếu của hôn nhân là

1. Một vợ một chồng.
2. Trọn đời chung thủy.

Kính xin Đức Cha thương ban phép chuẩn hôn nhân hỗn hợp cho chúng con như đơn xin.

Trong khi chờ đợi ân ban, xin Đức Cha cầu nguyện cho chúng con sống tốt đẹp và biết hướng tới hạnh phúc chân thật.

Chúng con xin hết lòng cảm tạ Đức Cha.

Giáo xứ………, ngày....... tháng......năm.........

Bên nam Bên nữ

(Ký tên và ghi rõ họ tên) (Ký tên và ghi rõ họ tên)

Giáo xứ………, ngày....... tháng......năm........
Linh mục chính xứ chứng thực và ấn ký
Linh mục…………

Tòa Giám Mục………ngày........ tháng.......năm………
Chấp thuận và ấn ký

Xin làm 2 bản: một bản lưu tại Tòa Giám Mục,
một bản lưu tại giáo xứ.

Giáo phận ....
Giáo xứ ....

MVDD.GD CHP 01.2017

ĐƠN XIN PHÉP CHUẨN HÔN PHỐI KHÁC ĐẠO

Kính gửi: Đức Cha …………………………
Giám Mục giáo phận ……………

Với sự giải thích về các điều kiện để được phép chuẩn Hôn nhân khác đạo và sự chứng nhận của linh mục: ....
Đang phụ trách giáo xứ:………………giáo phận :...................
Chúng con đồng ký tên dưới đây:

Công giáo:	Không Rửa Tội:
Sinh ngày:	Sinh ngày:
Tại:	Tại:
Tên cha:	Tên cha:
Tên mẹ:	Tên mẹ:
Hiện cư ngụ tại:	Hiện cư ngụ tại:
Rửa Tội:	Tôn giáo:
Tại giáo xứ:	Đã kết hôn với:
Thêm Sức:	Đã qua đời (ly hôn) ngày:
Tại giáo xứ:	Tại:
Đã kết hôn với:	
Đã qua đời (ly hôn) ngày:	
Tại:	

Chúng con đã chung sống với nhau nhưng chưa có phép đạo từ năm: ……………
Đã có ……….... con
Rửa Tội………...con
Đã có giấy công nhận kết hôn chưa? …………………
Cả hai chúng con hiện không có ngăn trở và được tự do kết hôn.

Kính xin Đức Cha thương ban phép cho chúng con được kết hôn với nhau với phép chuẩn hôn nhân khác đạo theo những điều kiện quy định của Giáo luật điều 1125 và điều 1126.
Sau khi nghe linh mục …………………………giải thích về các điều kiện để được phép chuẩn, chúng con đã hiểu biết và cam kết như sau:

A. Bên Công giáo: Con là ………………………cam kết:

1. Trung thành với Đức tin Công giáo và tránh xa các nguy cơ làm lung lạc Đức tin.
2. Cố gắng chu toàn bổn phận giáo dục con cái theo giáo lý của Hội Thánh Công giáo.

B. Bên không Rửa Tội: Tôi là …………………… cam kết:

1. Tôi cam kết tránh mọi hành vi xúc phạm đến tôn giáo của chồng/vợ tôi và chồng/vợ tôi tự do hành đạo theo tôn chỉ Giáo Hội Công giáo.
2. Tôi đã được thông báo rõ ràng và đầy đủ về bổn phận và lời cam kết của chồn/vợ tôi là người Công giáo trong đời sống gia đình và trong việc giáo dục con cái.

Kính xin Đức Cha thương ban phép chuẩn hôn nhân khác đạo cho chúng con như lời đơn xin.
Trong khi đợi chờ ân ban, xin Đức Cha cầu nguyện cho chúng con sống tốt đẹp và biết hướng tới hạnh phúc chân thật.
Chúng con hết lòng cảm tạ Đức Cha.

Giáo xứ.................., ngày.......tháng.......năm.........

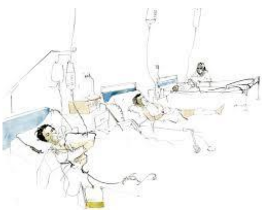
Bên nam	Bên nữ
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhận xét và đề nghị của linh mục chính xứ
Chứng thực và ấn ký

Linh mục: …………….............

Ý kiến của văn phòng hôn nhân

Tòa Giám Mục.......................,ngày ......tháng .....năm..........
Chấp thuận và ấn ký



MVDD.GS 01A.2017

(ARCH)DIOCESE OF ………… CITY

Address : ....

☎ : ....

Email : ....

Website : ....

PRIEST PROFILE INFORMATION FORM

(To be completed by visiting Priest)

Full name as on passport: ....

Passport N: ....

Date of birth: ....

Citizenship: ....

Date of Priestly Ordination: ....

Diocese or Religious: ....

Congregation: ....

Current Domicile: ....

Present Ecclesial Appointment: ....

In Case of an emergency while you are visiting our (Arch)Diocese who should be contacted

Name: ....

Relationship: ....

Address: ....

Tel: ....

Email: ....

Signature: ....

Date: ....

Kindly return this form to:

Chancery

Address: ....

MVDD.GS 01B.2017

(ARCH)DIOCESE OF ……….. CITY

Address : ....
☎ : ....
Email : ....
Website : ....

STATEMENT OF SUITABILITY FOR MINISTRY

This is to state that

……………………………………….

(Full Name)

is a Priest in ***good standing*** in the

(ARCH) DIOCESE OF/ RELIGIOUS CONGREGATION OF

....

To the best of my knowledge in the external forum, I am of the opinion that the said priest is of good moral character and reputation

- I belive that he qualified to perform his ministerial duties in an effective and suitable manner. There is nothing in his background or service that would raise questions about his fitness for ministry.
- I am unaware of anything in his background which would render him unsuitable to work with minors/ children.
- To the best of my knowledge, no accusations of sexual misconduct or sexual impropriety have ever been made against him, no criminal charge has ever been made against him; and he has never been suspended or otherwise canonically disciplined.

- He has undertaken to abide by conditions laid down by the (Arch)Diocese (form C).

  Accordingly, I present this priest for ministry in the (Arch)diocese of....................from .... to ....

  Purpose of Visit (Please tick):

  - ☐ Celebrate/con – celebrate Mass
  - ☐ Giving Talk
  - ☐ Conduct Training
  - ☐ Conduct Spiritual Retreat
  - ☐ Conduct Seminar/ Workshop

  Others (Please State): ....

  Name (Arch/Bishop, Religious Superior or Delegate)

  ....

  Signature (Arch/Bishop, Religious Superior or Delegate)

  ....

Complete Address

Tel : ....

Email : ....

Date : ....

Official Stamp:..

Kindly return this form to:

Chancery

Address : ....

MVDD.GS 01C.2017

(ARCH)DIOCESE OF ………… CITY

Address : ....
☎ : ....
Email : ....
Website : ....

PRIESTLY MINISTRY

IN THE (ARCH)DIOCESE OF .... CITY

You request to exercise priestly ministry in the (Arch)diocese will be approved on the basis you undertake to abide by the following conditions:

a. During your visit you may celebrate sacraments, preferably in the Church where you will be residing, as permitted by the Parish Priest.

b. Without prior permission of the Parish Priest, you are not allowed to do house blessing and the like or to give a talk at BECs or to any group in the parish.

c. You may not solicit publicly or privately for any donations/ contributions towards any project or cause, whether personal or otherwise.

d. You are to abide by both the Federal and State laws of the country. Wishing you a pleasant stay and a fruitful ministry in the (Arch)diocese.
The Chancery (Arch)diocese of ……….. city……………....

I agree to abide by the above conditions during my visit to the (Arch)diocese of ....

Rev. Father ……………………....
Date:………………………

Kindly return this form to:
Chancery

Address:……………………

THAM CHIẾU

- Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Bản toát yếu sách Giáo Lý của Hội Thánh Công giáo*, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2009.
- Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Bộ Giáo Luật 1983*, nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, 2007.
- Ủy ban Giáo Hoàng về gia đình, *Chuẩn bị cho bí tích Hôn Nhân*, ngày 13.5.1996.
- Thánh bộ Giáo Lý Đức Tin, *Hướng dẫn về bí tích Rửa Tội Pastoralis Action*, ngày 20.10.1980.
- Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Cùng nhau bồi đắp nền văn minh tình thương và sự sống*, Thư chung hậu Đại Hội Dân Chúa 2010 gửi toàn thể cộng đồng dân Chúa Việt Nam, 2011.
- Công đồng chung Vaticanô II, *Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống các Linh Mục (Presbyterorum Ordinis).*
- Đức Giáo Hoàng Piô XII, Thông điệp *Exsul Familia Nazarethana*, 1952
- Công đồng chung Vaticanô II, *Tuyên ngôn về giáo dục Kitô giáo (Gravissimum Educationis).*
- Công đồng chung Vaticanô II, *Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội (Ad Gentes).*
- Hội Đồng Giáo Hoàng về mục vụ chăm sóc di dân và người Lữ hành, *Huấn thị về mục vụ chăm sóc anh chị em di dân (De Pastoralis Migratorum Cura).*
- Công đồng chung Vaticanô II, *Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay (Gaudium Et Spes).*

- John P. Beal, *New Commentary on the Code of Canon Law*, Paulist Press, 2000.
- Văn phòng Tổng Thư ký Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Giáo Hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, NXB Hà Nội 2004, *Giáo Hội Việt Nam với việc thờ kính tổ tiên.*
- Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Huấn thị Potestas Ecclesiae*, ngày 30.4.2001.
- Công đồng chung Vaticanô II, *Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh (Sacrosanctum Concilium).*
- Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công giáo*, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2012.
- Hội Đồng Giáo Hoàng về mục vụ chăm sóc di dân và người Lữ hành, *Huấn thị Tình yêu Đức Kitô dành cho người di dân (Erga Migrantes Caritas Christi).*
- Công đồng chung Vaticanô II, *Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội (Lumen Gentium).*
- Công đồng chung Vaticanô II, *Sắc Lệnh về Tông đồ Giáo dân (Apostolicam Actuositatem).*
- Hội đồng Giám Mục Việt Nam, *Thông cáo về việc tôn kính ông bà tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ,* 20.10.1964.
- Trả lời của *Thánh bộ Giáo Lý Đức Tin về việc xin miễn chất vấn*, ngày 30.8.1976.

BAN SOẠN THẢO

Chủ biên
ĐGM. Giuse Đỗ Mạnh Hùng, Chủ Tịch UBMVDD.

Cố vấn
Đ.G.M. Tôma Nguyễn Văn Trâm, GP. Bà Rịa.
Đ.G.M. Emmanuel Nguyễn Hồng Sơn, GP. Bà Rịa.
Đ.G.M. Luy Nguyễn Anh Tuấn, TGP. Sài gòn.
Đ.G.M. Đaminh Nguyễn Văn Mạnh, GP. Đà Lạt.
Lm. Gioan Bùi Thái Sơn, Đại diện Tư pháp TGP. Sài gòn.
Lm. JB. Lê Ngọc Dũng, Đại Diện Tư Pháp GP. Nha Trang.
Lm. Giuse Đậu Quang Luật, O.F.M, chuyên viên Giáo Luật.

Điều hành
Lm. Giuse Đào Nguyên Vũ, S.J, TTK UBMVDD.

Thành viên
Quý Linh mục đặc trách di dân các Giáo phận.

Ban biên tập
Nt. Anne Vũ Thị Kim Dung, F.M.S.R, TK UBMVDD.
Lm. Giuse Trần Thiện Nguyễn, C.S, TK UBMVDD.
Anh Giuse Phan Trần Huy Hoàng, Trợ lý TT UBMVDD.

"Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước"
(Mt 25, 35)